

CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I	1
PHỤ LỤC II	5
PHỤ LỤC III.....	9
PHỤ LỤC IV.....	14
PHỤ LỤC V	18
PHỤ LỤC VI.....	27
PHỤ LỤC SỐ VII.....	28
PHỤ LỤC SỐ VIII.....	70
PHỤ LỤC IX.....	81
PHỤ LỤC X.....	83
PHỤ LỤC XI.....	84
PHỤ LỤC XII	85
PHỤ LỤC XIII.....	87
PHỤ LỤC XIV	90
PHỤ LỤC XV	95

PHỤ LỤC I
MẪU NHẬT KÝ TUẦN ĐƯỜNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /20 /TT-BGTVT ngày tháng năm 20... của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

I. Mẫu bìa nhật ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬT KÝ TUẦN ĐƯỜNG

Quyển số:

Đơn vị bảo dưỡng thường xuyên và vận hành khai thác công trình đường bộ
.....

Từ Km đến Km QL.....

Nhân viên tuần đường:

Bắt đầu ngày:/...../.....

Hết quyển ngày:/...../.....

....., năm 20

HƯỚNG DẪN

PHẦN I.

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tuần đường (bao gồm đường, cầu, cống, hầm, kè, ngầm, tràn, hệ thống an toàn giao thông, hành lang an toàn đường bộ) nhằm mục đích phát hiện kịp thời những hư hỏng, vi phạm hoặc sự cố xảy ra để nhanh chóng khắc phục, tránh những hậu quả xấu làm thiệt hại đến tính mạng, tài sản của nhân dân cũng như xã hội. Nhật ký tuần đường là tài liệu quan trọng trong công tác quản lý vì vậy phải được ghi chép đầy đủ và lưu trữ tại đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ.

2. Người làm nhiệm vụ tuần đường phải ghi chép trong khi làm nhiệm vụ nhằm phản ánh đầy đủ mọi tình trạng, sự cố xảy ra đối với đoạn đường, cây cầu và công trình, hành lang an toàn đường bộ có trên tuyến được giao nhiệm vụ.

3. Lãnh đạo đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ đọc nội dung ghi chép trong sổ vào cuối ngày và ghi ý kiến xử lý, đồng thời ký tên dưới ý kiến đó.

4. Hàng tháng, hàng quý, khi nghiệm thu công tác bảo dưỡng thường xuyên nhật ký tuần đường phải được xuất trình đề hội đồng nghiệm thu xem xét đánh giá công tác quản lý theo tháng, quý đó.

5. Nội dung ghi chép trong nhật ký là căn cứ để đánh giá chất lượng công tác của nhân viên tuần đường.

Đối với đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ, nhật ký tuần đường đánh giá một phần chất lượng và trình độ, phương thức quản lý của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ.

PHẦN II.

NỘI DUNG KIỂM TRA, GHI CHÉP

1. Nội dung ghi trong nhật ký gồm:

a) Người thực hiện tuần đường, thời gian tuần đường;

b) Diễn biến chính thời tiết trong ngày, mực nước trên các vị trí có cột thủy trí như tại ngàm tràn, bến phà, trên các bộ phận mố, trụ cầu trong mùa lũ, tình hình lũ, lụt (nếu có);

c) Đối với công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: Ghi cụ thể các vụ vi phạm mới phát sinh (đã lập biên bản xác nhận, chưa lập biên bản kèm theo lý do như chủ hộ đi vắng, không chịu ký hoặc nguyên nhân khác); tình hình và kết quả từng vụ vi phạm đã được xử lý (tổ chức, cá nhân tự khắc phục, thanh tra lập biên bản xử lý, chính quyền cưỡng chế, giải tỏa và các biện pháp xử lý khác), các vụ đang xử lý và chưa xử lý, các thông tin cụ thể khác.

Đối với trường hợp các vụ vi phạm chưa xử lý đã ghi trong lần trước không có thay đổi về tình hình giải quyết thì không cần ghi lại trong nhật ký, trừ khi đã được xử lý, giải quyết.

Các trường hợp vi phạm đầu nối trái phép vào đường bộ, san lấp trong phạm vi đất của đường bộ, đất thuộc phạm vi hành lang an toàn đường bộ, đào khoan, xẻ đường trái phép, tháo dỡ, phá cống, rãnh và công trình kiên cố cần được ghi cụ thể vị trí, lý trình có vi phạm, mức độ vi phạm và các thông tin chi tiết;

d) Đối với tình trạng kỹ thuật công trình, nhật ký cần ghi các bộ phận của cầu như dầm, dàn, khung, mố, trụ, gối, khe co giãn, lan can tay vịn, mặt cầu, ống thoát nước, dây văng, dây cáp treo, hồ neo và các bộ phận khác của cầu: ghi rõ tình trạng bị hư hỏng, có dấu hiệu phát sinh hư hỏng hoặc đã hư hỏng có phát triển (như vết nứt mở rộng, kéo dài; dầm dàn hoặc kết cấu nhịp tuy chưa gãy đổ nhưng có dấu hiệu bị võng) và các trường hợp hư hỏng khác.

Đối với phần đường, nhật ký ghi các đoạn đường hư hỏng, mức độ hư hỏng kết cấu mặt đường (hư hỏng dưới dạng rạn, nứt, ổ gà, hằn lún, hư hỏng sinh lún móng mặt đường và các dạng hư hỏng khác trên mặt đường theo quy định của các tiêu chuẩn kỹ thuật); hư hỏng nền đường với các dạng sụt lở đất, đá ta luy dương, sụt trượt ta luy âm, lún, nứt nền đường, xuất hiện cung trượt và các hiện tượng hư hỏng khác; các loại hư hỏng lề đường như bề mặt nứt, vỡ, xói lở, lún, trôi và các loại hư hỏng khác.

Đối với hệ thống, cống, rãnh thoát nước, nhật ký tuần đường ghi lại tình trạng thoát nước bình thường hoặc bị tắc (nếu có); các bộ phận hư hỏng, loại hư hỏng, mức độ hư hỏng (nếu có).

Đối với ngàm, tràn trong thời gian lũ, ngập lụt phải ghi rõ số giờ, các ngày bị ngập, chiều sâu ngập (trên cột thủy trí), vận tốc dòng nước (ước tính khi không có thiết bị đo), nguyên nhân ngập (do ảnh hưởng của cơn bão, do mưa lớn); tình trạng công trình sau khi nước rút, các hư hỏng cần phải khắc phục (nếu có).

Đối với cột mốc giải phóng mặt bằng đất xây dựng công trình đường bộ, mốc đất của đường bộ, cột mốc lộ giới phân định phạm vi hàng lang an toàn đường bộ, nhật ký ghi lại các cột bị mất, các cột gãy, đổ và các hư hỏng khác (nếu có).

Đối với thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ và các hạng mục công trình đường bộ khác, căn cứ tình trạng kỹ thuật, tình hình khai thác sử dụng và các hư hỏng, dấu hiệu hư hỏng để ghi trong nhật ký (đèn đường bị hỏng, thiết bị thông gió hầm hỏng không hoạt động);

đ) Đối với các công trình an toàn giao thông đã có, nhật ký cần ghi lại các hiện tượng biển báo hiệu, cột tiêu, cột Km, cột H, rào chắn, tường hộ lan thép bị gãy, đổ, mất, hỏng; tình trạng sơn trên mặt đường bị mờ, mài mòn, mất vệt sơn; đối với các vị trí tổ chức giao thông chưa hợp lý gây ùn tắc giao thông, xuất hiện điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông ghi lại các nội dung theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tiêu chí xác định điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông trong ngành đường bộ;

e) Trường hợp có tai nạn giao thông, nhân viên tuần đường phải ghi lại thời điểm vụ tai nạn, phương tiện gây tai nạn và bị nạn, hậu quả tai nạn gây ra đối với người và phương tiện giao thông; hư hỏng thiệt hại đối với kết cấu hạ tầng giao thông; tình hình, kết quả xử lý vụ tai nạn; tình trạng gây ùn tắc (nếu có) do tai nạn.

2. Việc ghi chép phải thực hiện trong khi tiến hành kiểm tra. Cuối ngày phải được tập trung ở đơn vị bảo dưỡng thường xuyên và vận hành khai thác công trình đường bộ.

3. Nội dung ghi chép phải mạch lạc, rõ ràng, tỉ mỉ, chính xác, nhân viên tuần đường phải ký tên ở phía dưới.

4. Khi đi tuần, gặp trường hợp cầu, đường, công trình bị hư hỏng, dầu mỡ rơi vãi trên mặt đường, cây cối bị đổ, đất đá sạt lở, dây điện bị đứt rơi xuống đường ... có thể nguy hiểm cho người và xe cộ đi lại thì bản thân nhân viên tuần đường phải giải quyết ngay nếu công việc đơn giản, khối lượng ít, hoặc báo ngay cho đơn vị bảo dưỡng thường xuyên và vận hành khai thác công trình đường bộ và người thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm để xử lý, rào chắn và hướng dẫn xe cộ qua lại.

Ghi chú: Sổ nhật ký tuần đường gồm 100 trang được đánh dấu từ 1 đến 100 và đóng dấu giáp lai.

Trang đầu (bên trái):

Giờ ngày, tháng kiểm tra	Vị trí, Lý trình, xảy ra phát hiện sự cố, vi phạm	Tình hình thời tiết (nắng, mưa, mù, lũ, bão...) Diễn biến đột xuất, nội dung của các sự cố cầu đường, hoặc vi phạm mới phát hiện (vẽ minh họa vị trí, kích thước cụ thể).

Trang liền kề (bên phải):

Đã giải quyết, xử lý tại chỗ và kết quả	Người nhận báo cáo ghi nhận xét, việc cần lưu ý hàng ngày. Ký tên	Ghi chú

PHỤ LỤC II
MẪU NHẬT KÝ TUẦN KIỂM

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /20 /TT-BGTVT ngày tháng năm 20... của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

I. Mẫu bìa nhật ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬT KÝ TUẦN KIỂM

Quyển số:

Cơ quan, Đơn vị (Người quản lý, sử dụng công trình đường bộ)

.....

Người thực hiện tuần kiểm:

Từ Km đến Km QL.....

Bắt đầu ngày:/...../.....

Hết quyển ngày:/...../.....

....., năm 20

HƯỚNG DẪN

PHẦN I.

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tuần kiểm đường bộ nhằm kiểm tra, giám sát hoạt động tuần đường và kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ nhằm mục đích xử lý kịp thời những hư hỏng, vi phạm hoặc sự cố xảy ra để nhanh chóng khắc phục, tránh những hậu quả xấu làm thiệt hại đến tính mạng, tài sản của nhân dân cũng như xã hội. Nhật ký tuần kiểm là tài liệu quan trọng trong công tác quản lý vì vậy phải được ghi chép và lưu trữ đầy đủ.

2. Người làm nhiệm vụ tuần kiểm đường bộ phải ghi chép kết quả kiểm tra hiện trường, xử lý ý kiến đề xuất của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường trên tuyến được giao nhiệm vụ; kết quả thực hiện của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ.

3. Lãnh đạo người quản lý, sử dụng công trình đường bộ đọc nội dung ghi chép trong sổ vào ngày làm việc cuối tuần và ghi ý kiến xử lý, đồng thời ký tên dưới ý kiến đó.

4. Hàng tháng, hàng quý, khi nghiệm thu công tác bảo dưỡng thường xuyên nhật ký tuần kiểm là cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ.

5. Nội dung ghi chép trong nhật ký là căn cứ để đánh giá chất lượng công tác của người thực hiện hoạt động tuần kiểm đường bộ.

PHẦN II.

NỘI DUNG KIỂM TRA, GHI CHÉP

1. Nội dung ghi trong nhật ký gồm:

a) Người thực hiện tuần kiểm đường bộ, thời gian tuần kiểm;

b) Ghi nhận các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các hư hỏng, sự cố công trình đường bộ cũng như các bất cập, tồn tại trong công tác tổ chức giao thông trên tuyến đường được giao quản lý theo ý kiến của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ hoặc qua kết quả kiểm tra hiện trường, cụ thể:

- Vị trí vi phạm quy định về quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các hư hỏng, sự cố công trình đường bộ; các tồn tại trong việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ, lý trình từ Km ... đến Km..., vị trí bên trái, hai bên phải hay tim đường, hành lang, v.v,...;

- Mô tả chi tiết các vi phạm, các hư hỏng, sự cố công trình đường bộ, các tồn tại trong việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ; ước tính khối lượng.

c) Ý kiến xử lý:

- Đối với các công việc thuộc trách nhiệm của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ, người thực hiện nhiệm vụ tuân kiểm ghi yêu cầu đơn vị thực hiện, khắc phục trong thời gian theo quy định; ví dụ vá ổ gà trong 7 ngày theo tiêu chuẩn bảo dưỡng thường xuyên;

- Đối với các vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, người thực hiện nhiệm vụ tuân kiểm ghi nhận quá trình xử lý như: lập biên bản, vận động tuyên truyền đối tượng vi phạm chấp hành các quy định của pháp luật hoặc phối hợp chính quyền địa phương hoặc lực lượng thanh tra giao thông, công an xử lý theo quy định; chỉ đạo đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ thực hiện các biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả ban đầu để đảm bảo giao thông theo quy định (nếu cần thiết);

- Đối với các nội dung tồn tại trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ nằm ngoài phạm vi xử lý của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ, người thực hiện nhiệm vụ tuân kiểm báo cáo người quản lý, sử dụng công trình đường bộ xử lý theo quy định;

- Ngoài việc kiểm tra định kỳ, khi nhận được thông tin về các vấn đề vi phạm quy định quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, các hư hỏng, tai nạn, sự cố cầu đường hoặc phương tiện gây ùn tắc, mất an toàn giao thông trên tuyến đường được giao quản lý (qua thông tin từ tuần đường, người dân hoặc đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ), người thực hiện nhiệm vụ tuân kiểm phải kiểm tra, xử lý hoặc báo cáo người quản lý, sử dụng công trình đường bộ hoặc đề nghị chính quyền địa phương, lực lượng công an xử lý theo quy định;

d) Đánh giá kết quả xử lý các vi phạm, hư hỏng, sự cố và tồn tại nêu tại điểm c khoản này, bao gồm các nội dung: khối lượng, chất lượng, thời gian hoàn thành; quay phim hoặc chụp ảnh lưu trữ để minh họa và làm cơ sở để đánh giá kết quả khi thực hiện nghiệm thu tháng, quý cho đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ.

2. Việc ghi chép phải thực hiện trong ngày tiến hành kiểm tra hoặc sau khi xử lý các vi phạm, hư hỏng, sự cố và tồn tại.

3. Nội dung ghi chép phải mạch lạc, rõ ràng, tỉ mỉ, chính xác, người thực hiện tuần kiểm đường bộ phải ký tên ở phía dưới nội dung ghi chép sau khi kiểm tra.

Sổ nhật ký tuần kiểm gồm 100 trang được đánh dấu từ 1 đến 100 và đóng dấu giáp lai.

Trang đầu (bên trái):

Ngày tháng	Hạng mục công việc, ý kiến đề xuất của đơn vị BDTX, VHKTCTĐB	Lý trình			Mô tả chi tiết thực trạng công tác QL, BDTX	Ước tính khối lượng
		Từ Km	Đến Km	Vị trí		

Trang liền kề (bên phải):

Ý kiến người thực hiện tuần kiểm		Người nhận báo cáo ghi nhận xét, việc cần lưu ý. Ký tên	Kết quả thực hiện của đơn vị BDTX, VHKTCTĐB			
Yêu cầu sửa chữa hoặc xử lý vi phạm; hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền	Thời gian hoàn thành		Khối lượng	Chất lượng	Thời gian hoàn thành thực tế	Ảnh/Vi deo sau khi sửa chữa

Ghi chú:

- Đơn vị BDTX, VHKTCTĐB là đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ;

- Công tác QL, BDTX là công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên;

PHỤ LỤC III

PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ, TRANG PHỤC PHỤC VỤ CÔNG TÁC TUẦN ĐƯỜNG VÀ TUẦN KIỂM

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /20 /TT-BGTVT ngày tháng năm 20... của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

1. Phương tiện, thiết bị và trang phục phục vụ nhiệm vụ tuần đường

a) Phương tiện, trang thiết bị:

- Phương tiện đi tuần đường là mô tô, xe máy hoặc ô tô;
- Sổ nhật ký tuần đường; tài liệu cần thiết (bình đồ duỗi thẳng tuyến đường, quy trình bảo trì, quy trình vận hành khai thác và các tài liệu cần thiết khác); túi đựng tài liệu chống mưa;
- Điện thoại thông minh kết nối internet;
- Phần mềm quản lý đường, phần mềm tuần đường, kết nối không gian địa lý (nếu có);
- Một túi bạt đựng 01 (một) mỏ lết, 01 (một) dao phát cây, 01 (một) thước cuộn 5m, 01 (một) đèn pin, 01 (một) xăng công bình;
- Thiết bị dụng cụ an toàn khi làm việc như dây đeo an toàn và trang bị bảo hộ lao động khi kiểm tra các vị trí bộ phận cần thiết để bảo đảm an toàn (kiểm tra dầm, dàn cầu và các bộ phận trên cao); đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ bố trí biển cảnh báo an toàn khi dừng trên đường cao tốc để kiểm tra.

b) Trang phục gồm: quần áo đồng phục, quần âu màu ghi xám, áo màu ghi xám; phía trên túi áo bên trái có lô gô “Đơn vị bảo trì đường bộ” hoặc tên công ty và hàng chữ “Tuần đường” màu xanh tím than; áo gi lê màu xanh có vạch vàng phản quang để mặc khi làm việc ở hiện trường; giày, ủng và trang phục đi mưa.

2. Phương tiện, thiết bị và trang phục phục vụ nhiệm vụ tuần kiểm

a) Phương tiện, trang thiết bị:

- Phương tiện đi tuần đường là mô tô, xe máy hoặc ô tô;
- Điện thoại thông minh kết nối internet;
- Phần mềm quản lý đường, phần mềm tuần đường, kết nối không gian địa lý (nếu có);
- Các tài liệu cần thiết (biên bản làm việc, quy chế phối hợp quản lý bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, hồ sơ tài liệu công trình), túi đựng tài liệu chống nước mưa.
- Thiết bị dụng cụ an toàn khi làm việc như dây đeo an toàn và trang bị bảo hộ lao động khi kiểm tra các vị trí bộ phận cần thiết để bảo đảm an toàn (kiểm tra dầm, dàn cầu và các bộ phận trên cao); đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ bố trí biển cảnh báo an toàn khi dừng trên đường cao tốc để kiểm tra.

b) Trang phục gồm:

- Trang phục xuân hè của nam: áo màu xanh nước biển ngắn tay, cổ bẻ; áo có 07 cúc (05 cúc để cài áo, 02 cúc cài túi áo phía trên), cúc áo bằng nhựa cùng với màu vải áo, đường kính 1,3 cm; hai túi áo ngực có nắp, túi áo may nổi có nếp giữa; vạt áo cho

vào trong quần; phía trên túi áo có lô gô "Đường bộ Việt Nam" và hàng chữ "Tuần kiểm đường bộ"; quần âu màu xanh sẫm, hai túi chéo và một túi phía sau, ống quần đứng.

- Trang phục xuân hè của nữ: áo màu xanh nước biển ngắn tay, cổ bẻ; áo có 07 cúc (05 cúc để cài áo, 02 cúc cài túi áo phía dưới), cúc áo bằng nhựa cùng với màu vải áo, đường kính 1,3 cm; hai túi áo ở phía dưới may ngoài, nắp túi hơi chéo; không cho vật vào trong quần; phía trên túi áo có lô gô "Đường bộ Việt Nam" và hàng chữ "Tuần kiểm đường bộ"; quần âu màu xanh sẫm, hai túi chéo, ống quần đứng.

- Trang phục thu đông của nam: áo vét tông màu xanh nước biển, dài tay có lót trong, thân trước 04 túi ngoài nắp hơi chéo, áo có 08 cúc để cài (06 cúc 2,2cm để cài áo và túi áo phía dưới, 02 cúc 1,8cm để cài túi áo phía trên), cúc áo bằng đồng mạ hợp kim màu vàng, mặt cúc nhám, cổ bẻ; phía trên túi áo có lô gô "Đường bộ Việt Nam" và hàng chữ "Tuần kiểm đường bộ"; quần âu màu tím than hai túi chéo và một túi phía sau, ống quần đứng.

- Trang phục thu đông của nữ: áo vét tông màu xanh nước biển, dài tay có lót trong, hai túi có nắp chìm ở phía dưới thân trước, áo chiết eo, cổ bẻ, áo có 06 cúc để cài, cúc áo bằng đồng mạ hợp kim màu vàng, mặt cúc nhám (04 cúc 2,2cm để cài áo và 02 cúc 2,2cm để cài túi áo phía dưới); phía trên túi áo có lô gô "Đường bộ Việt Nam" và hàng chữ "Tuần kiểm đường bộ"; quần âu màu tím than hai túi chéo, ống quần đứng.

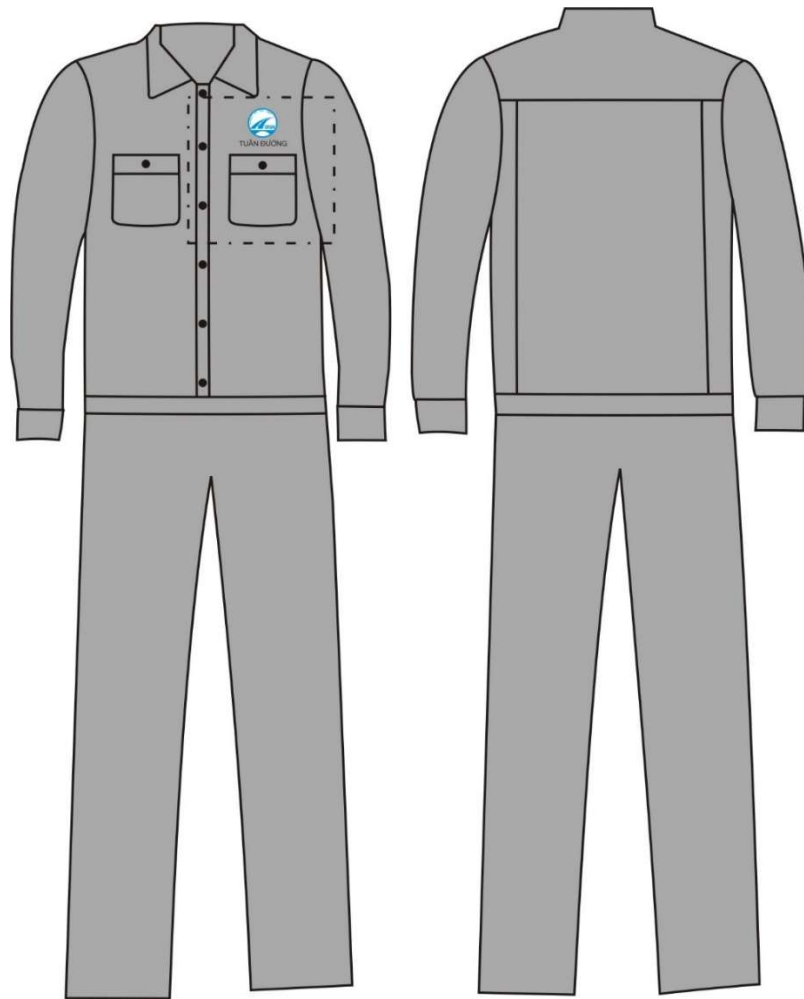
c) Chế độ cấp phát trang phục:

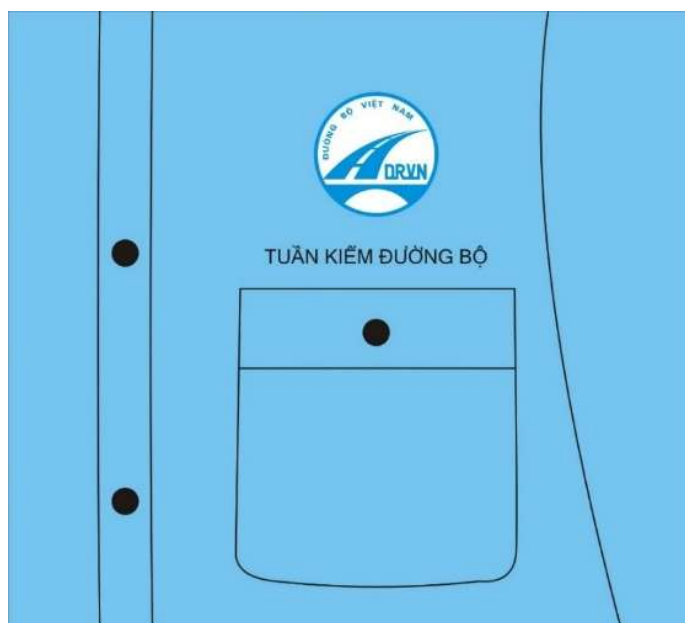
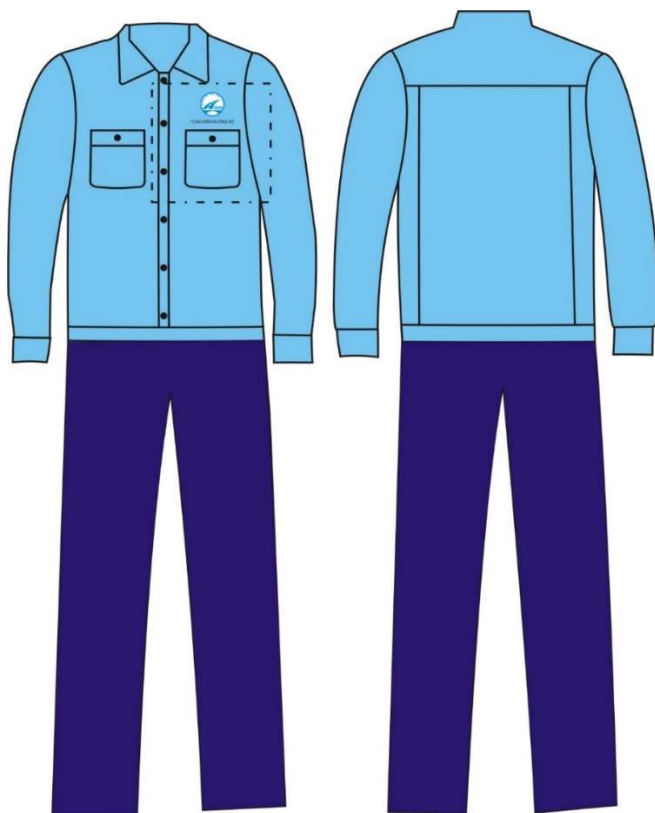
- Quần áo xuân hè: 01 (một) năm 02 (hai) bộ;
- Quần áo thu đông: 01 (một) năm 01 (một) bộ;
- Mũ bảo hiểm: 02 (hai) năm 01 (một) bộ;
- 01 áo gilê màu xanh có vạch vàng phản quang để mặc khi làm việc ở hiện trường.

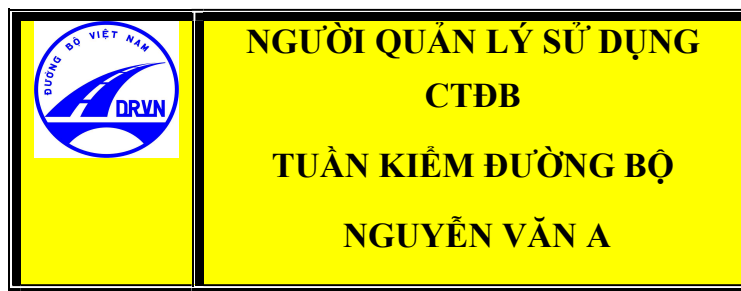
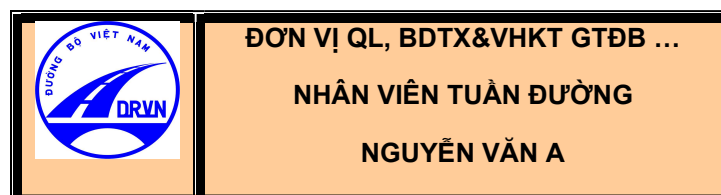
3. Mẫu trang phục phục vụ tuần đường và tuần kiểm bao gồm:



Quần áo Nhân viên Tuần đường



Quần áo người thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm

Mũ bảo hộ**Biển hiệu người thực hiện tuần kiểm đường bộ****Biển hiệu Nhân viên Tuần đường**

PHỤ LỤC IV
BIỂU MẪU NHU CẦU, KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số /20 /TT-BGTVT ngày tháng năm 20
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị thực hiện:.....

TT	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng/công việc chủ yếu	Kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TỔNG SỐ							
I	Bảo dưỡng thường xuyên							
II	Sửa chữa định kỳ							
A	Công trình chuyển tiếp							
B	Công trình mới							
III	Sửa chữa đột xuất							
IV	Công tác khác							
	CHI TIẾT							
I	Bảo dưỡng thường xuyên							
1	Tên quốc lộ							
	BDTX đường							

	BDTX cầu							
								
II	Sửa chữa định kỳ							
1	Tên quốc lộ							
	Công trình mới							
								
III	Sửa chữa đột xuất							
1	Tên quốc lộ							
								
IV	Công tác khác							
								

1. Cột (8): Phân loại mức độ ưu tiên căn cứ theo quy định tại Điều 17 Thông tư này và chỉ áp dụng đối với nhu cầu quản lý, bảo trì công trình đường bộ cho năm sau.

2. Cột (5) kinh phí thực hiện được xác định như sau:

2.1. Đối với nhu cầu quản lý, bảo trì quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này

a) Kinh phí bảo dưỡng thường xuyên: căn cứ khối lượng công việc cần bảo dưỡng thường xuyên; định mức công tác bảo dưỡng thường xuyên; suất chi phí bảo dưỡng thường xuyên; các quy định lập, quản lý chi phí xây dựng công trình và quy định lập, quản lý chi phí bảo trì của cơ quan thẩm quyền.

b) Kinh phí sửa chữa định kỳ: căn cứ khối lượng cần thực hiện dự kiến, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan thẩm quyền ban hành; quy định về lập, quản lý chi phí xây dựng của cơ quan có thẩm quyền; kinh phí đã bố trí lũy kế đến năm xây dựng kế hoạch đối với công trình chuyển tiếp; hoặc ước tính theo suất đầu tư sửa chữa định kỳ các công trình tương tự để xác định.

c) Kinh phí sửa chữa đột xuất: căn cứ dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Kinh phí công tác khác: căn cứ khối lượng cần thực hiện phù hợp quy định hiện hành về nguồn vốn bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi do cơ quan

thẩm Quyền ban hành; quy định về lập, quản lý chi phí xây dựng của cơ quan thẩm quyền để xác định.

2.2. Đối với kế hoạch quản lý, bảo trì quy định tại Điều 17 Thông tư này.

a) Kinh phí bảo dưỡng thường xuyên: căn cứ giá trị hợp đồng hoặc dự toán được duyệt; từ khối lượng công việc và định mức, đơn giá được cấp thẩm quyền ban hành hoặc suất chi phí bảo dưỡng thường xuyên; hoặc hướng dẫn xác định chi phí quản lý, bảo trì, vận hành khai thác tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này để xác định.

b) Kinh phí sửa chữa định kỳ: căn cứ báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự án đầu tư sửa chữa công trình được duyệt nêu tại Điều 17 và kinh phí đã bố trí lũy kế đến năm xây dựng kế hoạch đối với công trình chuyển tiếp; từ khối lượng công việc và định mức, đơn giá được cấp thẩm quyền ban hành; hoặc theo suất đầu tư sửa chữa công trình tương tự hoặc hướng dẫn xác định chi phí quản lý, bảo trì, vận hành khai thác tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này để xác định.

c) Kinh phí sửa chữa đột xuất: căn cứ suất đầu tư sửa chữa công trình tương tự; hoặc dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt để xác định.

d) Kinh phí công tác khác: căn cứ dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt để xác định.

3. Tài liệu kèm theo khi trình nhu cầu, kế hoạch bảo trì công trình đường bộ bao gồm:

3.1. Đối với nhu cầu quản lý, bảo trì quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này

a) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình năm trước liền kề và đề xuất nhu cầu quản lý, bảo trì năm kế hoạch của các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý công trình; trong đó bao gồm: thuyết minh giải pháp và khối lượng sửa chữa chủ yếu (đối với dự án sửa chữa), kinh phí thực hiện dự kiến (có diễn giải khái toán kinh phí) cho công trình đề xuất.

b) Bình đồ duỗi thẳng về tình hình sửa chữa bảo trì trên quốc lộ trong vòng 5 năm (từ thời điểm xây dựng kế hoạch) và danh mục đề xuất sửa chữa năm tiếp theo (bình đồ thể hiện rõ về lý trình, phạm vi, quy mô, giải pháp, thời gian sửa chữa...).

c) Hình ảnh hiện trạng hư hỏng công trình đề xuất sửa chữa (thể hiện rõ tên quốc lộ, lý trình các hạng mục sửa chữa: cầu, đường, cống...).

d) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật) công trình sửa chữa, dự toán chi năm trước năm xây dựng kế hoạch đối với công trình sửa chữa chuyển tiếp. Hợp đồng thực hiện bảo dưỡng thường xuyên hoặc quyết định duyệt dự toán bảo dưỡng thường xuyên; văn bản, quyết định duyệt giá các công việc liên quan đến bảo trì công trình năm trước liền kề.

3.2. Đối với kế hoạch quản lý, bảo trì quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17:

a) Báo cáo đề xuất kế hoạch của các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý công trình về kế hoạch quản lý, bảo trì năm.

b) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình sửa chữa, cơ sở tính toán xác định kinh phí bảo trì.

c) Đối với dự án sửa chữa mặt đường, gia cố lề đường... có lý trình sửa chữa tổng thể trùng với lý trình sửa chữa công trình các năm trước: ngoài hồ sơ cung cấp tại điểm a khoản này, cần bổ sung thuyết minh, hồ sơ để làm rõ về việc không trùng với các vị trí đã sửa chữa trước đây.

d) Đối với công tác khác theo Quyết định duyệt dự toán kinh phí của cấp có thẩm quyền.

PHỤ LỤC V
XÁC ĐỊNH CHI PHÍ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC VÀ BẢO TRÌ CÁC
CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG VIỆC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /20 /TT-BGTVT ngày tháng năm 20 của Bộ trưởng
 Bộ Giao thông vận tải)*

Khi cần xác định một hoặc nhiều trong số các chi phí quản lý, bảo trì, vận hành khai thác cho công trình, hạng mục công trình, công việc theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 27 Thông tư này thì việc xác định chi phí như sau:

1. Chi phí bảo trì công trình

Chi phí bảo trì công trình được xác định bằng dự toán. Dự toán chi phí bảo trì công trình gồm: chi phí thực hiện các công việc bảo trì định kỳ hàng năm, chi phí sửa chữa công trình, chi phí tư vấn phục vụ bảo trì công trình, chi phí khác và chi phí quản lý bảo trì thuộc trách nhiệm chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình.

1.1. Quy định chung

a) Chi phí bảo trì hàng năm các hạng mục công trình dân dụng (nhà công trạm, nhà quản lý điều hành, nhà làm việc, nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn, nhà để xe...) và các hạng mục hệ thống thông tin liên lạc, cấp điện và năng lượng, hệ thống cấp nước sạch, hệ thống xử lý thu gom nước thải, chất thải rắn và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (Ví dụ bến, bãi đỗ xe) được xác định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng.

b) Không tính chi phí bảo trì máy móc, thiết bị đã tính trong giá ca máy trong khi vận hành (chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy được tính trong giá ca máy thiết bị theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

1.2. Xác định chi phí bảo trì:

a) Đối với các hạng mục công trình dân dụng (nhà công trạm, nhà quản lý điều hành, nhà làm việc, nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn, nhà để xe...) chi phí bảo trì định kỳ hàng năm gồm các chi phí quy định tại điểm a khoản 3 Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và được xác định như sau:

$$C_{btctdd\ năm} = G_{xdctdd} \times K_{dd}$$

Trong đó

- $C_{btctdd\ năm}$ là chi phí bảo trì của các hạng mục công trình dân dụng một năm

- $G_{xdtctdd}$ là chi phí xây dựng công trình dân dụng sau thuế (bao gồm cả chi phí thiết bị lắp đặt vào công trình dân dụng như điều hòa không khí, hệ thống thông gió v.v...) được xác định trong dự án;

- K_{dd} là định mức tỷ lệ (%) chi phí bảo trì công trình dân dụng theo quy định của Bộ Xây dựng.

b) Các hạng mục hệ thống thông tin liên lạc, cấp điện và năng lượng, hệ thống cấp nước sạch, hệ thống xử lý thu gom nước thải, đảo giao thông, bãi hạ tải và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khác (gọi tắt là các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật HTKT) chi phí bảo trì định kỳ hàng năm gồm các chi phí quy định tại điểm a khoản 3 Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và được xác định như sau:

$$C_{bthkt} \text{ năm} = G_{xdhtkt} \times K_{htkt}$$

Trong đó

- C_{bthkt} năm là chi phí bảo trì định kỳ của các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trong năm

- G_{xdhtkt} là chi phí xây dựng và chi phí thiết bị lắp đặt vào các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật xác định căn cứ giá trị quyết toán của công trình và điều chỉnh về mặt bằng giá tại thời điểm lập kế hoạch bảo trì. Trường hợp chưa có giá trị quyết toán của công trình thì chi phí xây dựng và chi phí thiết bị xác định theo suất vốn đầu tư của công trình tương ứng do cơ quan có thẩm quyền công bố.

- K_{htkt} là định mức tỷ lệ (%) chi phí bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định của Bộ Xây dựng.

c) Chi phí bảo trì định kỳ hàng năm của 1 trạm bằng tổng chi phí bảo trì định kỳ một năm của các hạng mục công trình dân dụng và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật và xác định theo công thức sau:

$$C_{btnăm} = (C_{btctdd} \text{ năm} + C_{bthkt} \text{ năm})$$

d) Đối với các thiết bị lắp đặt vào công trình (thiết bị cấp điện, camera, máy tính...), được dự tính riêng cho công tác lập phương án tài chính theo hướng dẫn ở phần dưới đây, khi thực hiện thì đảm bảo theo đúng quy định hiện hành. Trường hợp dự án sử dụng vốn nhà nước thì dự toán sửa chữa, cải tạo, nâng cấp có chi phí từ 500 triệu đồng trở lên sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Chi phí thay thế thiết bị và thời hạn thay thế thiết bị để lập dự án và phương án tài chính cho hợp đồng đối tác công tư được xác định theo thời hạn (tuổi thọ) sử dụng thiết bị do nhà sản xuất quy định. Trường hợp nhà sản xuất không quy định thời hạn sử dụng thiết bị thì căn cứ vào thời gian trích khấu hao do Bộ Tài chính quy định để xác định thời gian thay thế thiết bị làm cơ sở bổ sung chi phí thay thế thiết bị vào phương án tài chính của hợp đồng dự án.

d) Chi phí sửa chữa công trình được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình, quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và quy định tại Thông tư này. Chi phí sửa chữa công trình C_{scct} được tính vào chi phí bảo trì của năm tính toán.

e) Chi phí bảo trì của năm có thay thế thiết bị bằng chi phí bảo trì định kỳ hàng năm tại điểm c mục này cộng với chi phí thay thế thiết bị (C_{tb}) và chi phí sửa chữa (C_{scct}) và được xác định theo công thức sau:

$$C_{b\text{tnăm}} = (C_{btctdd \text{ năm}} + C_{bthkt \text{ năm}}) + C_{tb} + C_{scct}$$

g) Chi phí bảo trì toàn bộ vòng đời của mỗi công trình cho một trạm thuộc hợp đồng dự án đối tác công tư bằng tổng chi phí bảo trì các năm trong thời hạn hợp đồng.

$$C_{btvd} = \sum_{i=1}^n C_{b\text{tnăm } i}$$

$C_{b\text{tnăm } i}$: Chi phí bảo trì của năm thứ i trong thời hạn hợp đồng dự án;

$i = 1$ đến n ;

n là số năm thực hiện quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình.

2. Chi phí vận hành hạng mục công trình trạm (gồm chi phí vận hành khai thác và chi phí quản lý liên quan công tác quản lý vận hành khai thác)

2.1. Quy định chung

a) Đối với các hạng mục công trình trạm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành định mức chi phí quản lý vận hành thì không áp dụng hướng dẫn này để xác định chi phí vận hành.

b) Không tính trong chi phí vận hành khai thác công trình trạm: các chi phí đã được đảm bảo bằng vốn nhà nước (chi lương thanh tra giao thông tại trạm kiểm tra tải trọng xe hoặc đảm bảo giao thông tại trạm thu phí sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh khi có ùn tắc), chi phí đã tính trong tổng mức đầu tư hoặc dự toán đầu tư xây dựng công trình (chi phí đầu tư

công trình, mua sắm thiết bị, chi phí vận hành thử v.v...) và các chi phí đã tính ở các công việc khác.

c) Không tính chi phí cho cán bộ, nhân lực gián tiếp không có trong quy trình vận hành khai thác (như các nhân viên văn phòng, lãnh đạo doanh nghiệp v.v...) trong chi phí trực tiếp vận hành công trình trạm.

d) Không tính riêng chi phí nhiên liệu (xăng, dầu, khí), điện năng, lượng thợ điều khiển nếu các chi phí này đã tính trong giá ca máy.

2.2. Xác định chi phí vận hành khai thác theo phương pháp tính theo khối lượng hao phí vật liệu, nhân công, máy và bảng giá tương ứng quy định của Bộ Xây dựng.

Trong đó:

a) Chi phí vận hành khai thác thông thường tính cho 01 ca hoặc 1 ngày làm việc. Trường hợp đặc thù có thể tính cho 1 kíp (4 - 6 tiếng), một tuần, một tháng hoặc tính cả năm làm việc.

b) Khối lượng công việc thực hiện được xác định theo kế hoạch thực hiện, quy trình vận hành khai thác của công trình trạm và các thiết bị lắp đặt vào công trình trạm, thiết bị rời cần huy động trong quá trình vận hành (ví dụ thiết bị rời là cần cầu phục vụ cho việc dỡ hàng trên xe quá tải trọng tại trạm kiểm tra tải trọng xe vv...), các yêu cầu cụ thể của công việc. Danh mục khối lượng công việc bao gồm: số người trực tiếp tham gia; các loại máy móc thiết bị; nhiên liệu, năng lượng, điện năng, vật tư, phụ tùng thay thế... chưa tính trong giá ca máy; khối lượng, số lượng các công việc cần thiết khác.

c) Số lượng người trực tiếp và thời gian làm việc trong ca hoặc ngày (không kể các đối tượng quy định tại điểm b và c khoản 2.1 mục 2 Phụ lục này) bao gồm:

- Chỉ huy ca, ngày làm việc tại trạm (trạm trưởng hoặc trạm phó);

- Các nhân sự khác ở trạm thu phí các phương tiện sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh bao gồm những người thực hiện việc điều khiển các thiết bị công nghệ (người theo dõi tình trạng giao thông trên màn hình, người trực và vận hành thiết bị đóng, mở barie tại các trạm; người điều khiển các thiết bị khác); người kiểm soát vé, thu tiền (đối với trường hợp có làn thu 01 dừng hoặc thu thủ công) người hướng dẫn tổ chức giao thông, phân luồng, phân làn đảm bảo giao thông; thủ quỹ, kế toán và các nhân viên khác cần thiết cho việc vận hành khai thác trạm được an toàn, thông suốt;

- Các nhân sự khác tại trạm kiểm tra tải trọng xe bao gồm những người theo dõi, kiểm tra, xác định xe quá tải hoặc xe có khả năng chở quá tải; hướng dẫn điều khiển xe vào cân; tổ chức cân xe; hướng dẫn cho xe vào, ra vị trí cân; tổ chức bốc dỡ hàng quá tải (nếu có); tổ chức đảm bảo giao thông và những người thực hiện các công việc cần thiết khác.

Đối với lái xe và điều khiển cần cầu bốc dỡ hàng quá tải trọng nếu đã tính lương thợ trong giá ca máy thì không xác định số lượng và không tính chi phí trong phần này.

- Ngoài ra tại các trạm cần thiết phải bố trí nhân viên kỹ thuật trực sửa chữa, xử lý thiết bị, thiết bị công nghệ tại công trình trạm để bảo trì, sửa chữa máy tính, màn hình theo dõi giao thông, thiết bị điện tử, quang học; hệ thống cấp điện, nước, kiểm tra thiết bị phòng cháy, chữa cháy và các hạng mục cần thiết.

- Trường hợp trạm kiểm tra tải trọng xe được lắp đặt đồng bộ với trạm thu phí sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh thì giảm bớt người ở những vị trí công việc trùng (như tổ chức giao thông, trực phân làn, phân luồng giao thông, nhân viên kỹ thuật trực tại trạm và một số vị trí khác).

- Căn cứ quy định về bậc lương, thang bảng lương của nhà nước và yêu cầu thực tế các vị trí làm việc để xác định mức lương, thang bảng lương và các chế độ phụ cấp (nếu có) đối với những người trực tiếp tham gia làm việc trong ca (trừ những người điều khiển máy móc như ô tô, cần cầu đã tính trong giá ca máy và các trường hợp nêu tại điểm b và c khoản 2.1 mục 2 Phụ lục này thì không xác định chi phí tại mục này).

d) Xác định các loại máy móc thiết bị, thiết bị công nghệ và thời gian làm việc trong ca hoặc ngày làm việc bao gồm:

- Phương tiện (ô tô, xe máy, phương tiện khác) đưa đón những người trực tiếp tham gia vận hành khai thác trạm, xe chở tiền;

- Phương tiện đảm bảo giao thông (ô tô, xe máy) nếu cần;

- Cần cầu hoặc thiết bị bốc dỡ, vận chuyển hàng quá tải tại các trạm kiểm soát tải trọng xe (đối với các trạm kiểm soát được thành lập theo quyết định);

- Máy tính và các thiết bị điện tử và phần mềm điện toán phục vụ quản lý vận hành khai thác; máy phát điện dự phòng vv...;

- Các thiết bị lắp đặt vào công trình trạm: camera giám sát; điều hòa không khí; thiết bị công nghệ vận hành hệ thống thu không dừng, một dừng, đèn tín hiệu giao thông và các thiết bị khác.

- Xác định giá ca máy của từng loại máy móc thiết bị:

Trường hợp giá ca máy đã có trong bảng giá ca máy do Sở Xây dựng hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của Bộ Xây dựng.

Trường hợp máy móc thiết bị chưa được Sở Xây dựng hoặc cơ quan có thẩm quyền của nhà nước công bố giá ca máy thì chủ đầu tư, các đơn vị liên quan, hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng để xác định giá ca máy.

Trường hợp cần xác định mức khấu hao máy thì căn cứ hướng dẫn của Bộ Xây dựng để xác định. Trường hợp Bộ Xây dựng chưa quy định thì căn cứ quy định của Bộ Tài chính để xác định thời gian trích khấu hao làm cơ sở xác định mức khấu hao.

đ) Xác định số lượng, khối lượng vật liệu, vật tư tiêu hao (bao gồm cả tiền điện chưa tính trong giá ca máy) trong ca, ngày làm việc của trạm theo quy trình vận hành khai thác hoặc theo yêu cầu thực tế công việc.

- Đối với vật tư, vật liệu tiêu hao hàng ngày thì xác định khối lượng, số lượng hao phí trong ngày theo quy định kỹ thuật, theo thiết kế công nghệ, thiết kế công trình, quy trình vận hành khai thác và các yêu cầu kỹ thuật.

- Đối với vật tư, vật liệu tiêu hao không thường xuyên mà theo chu kỳ (tháng, năm...) thì xác định mức tiêu hao trung bình ngày bằng khối lượng tiêu hao trong kỳ (tháng, năm...) chia (:) số ngày làm việc trong kỳ.

Trường hợp vật tư, vật liệu tiêu hao không thường xuyên nhưng đã được tính trong chi phí đầu tư xây dựng ban đầu (chi phí mua phần mềm điện toán phục vụ lập trình kiểm soát thu phí hoặc các trường hợp khác) thì không tính trong chi phí vận hành của ca, ngày làm việc. Trường hợp cần nâng cấp phần mềm điện toán để hiện đại hóa trạm giao dịch thanh toán đối với các phương tiện sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh hoặc nâng cấp các phần mềm khác thì chi phí mua sắm bổ sung được xem xét để bổ sung theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Đơn giá vật tư vật liệu xác định theo thông báo giá của Sở Xây dựng hoặc xác định theo quy định Bộ Xây dựng. Đối với trường hợp đơn giá vật tư, vật liệu

không có trong thông báo giá thì căn cứ hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định, cụ thể: Trường hợp giá vật liệu xây dựng theo công bố giá của địa phương không phù hợp với mặt bằng giá tại nơi xây dựng công trình và các loại vật liệu xây dựng không có trong công bố giá vật liệu xây dựng của địa phương thì giá các loại vật liệu này xác định trên cơ sở lựa chọn mức giá phù hợp giữa các báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng vật liệu xây dựng.

e) Tổng hợp chi phí vận hành công trình trạm trong 1 ca (hoặc 1 ngày) làm việc.

BẢNG 2.2.A - TỔNG HỢP CHI PHÍ NHÂN CÔNG, MÁY THI CÔNG, VẬT TƯ VẬT LIỆU TRONG CHI PHÍ TRỰC TIẾP VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH TRẠM TRONG 1 ĐƠN VỊ THỜI GIAN (CA, NGÀY)

STT	Mã hiệu	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Giá	Thành tiền
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7] = [5]x[6]
I		Nhân công				
1.1		Chỉ huy trạm				
1.2		Công nhân bậc... trực hướng dẫn giao thông				
...	...	...				
		Tổng cộng				NC
II		Máy móc thiết bị (kê thiết bị và khối lượng cần thực hiện nhiệm vụ)				
...	...	...				
		Tổng cộng				M
III		Vật liệu, năng lượng				
2.1		Điện năng...				

2.2		Vật tư...				
...	...	...				
		Tổng cộng				VL

BẢNG 2.2 B - TỔNG HỢP CHI PHÍ VẬN HÀNH KHAI THÁC TRẠM TRONG MỘT ĐƠN VỊ THỜI GIAN (CA HOẶC NGÀY) TÍNH THEO PHƯƠNG PHÁP KHỐI LƯỢNG HAO PHÍ VẬT LIỆU, NHÂN CÔNG, MÁY VÀ BẢNG GIÁ TƯƠNG ỨNG

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí vật tư, vật liệu, năng lượng	Lấy từ Bảng 2.2.A		VL
2	Chi phí nhân công	Lấy từ Bảng 2.2. A		NC
3	Chi phí máy và thiết bị thi công	Lấy từ Bảng 2.2.A		M
	Chi phí trực tiếp	VL+NC+M		CPvh
II	CHI PHÍ CHUNG	CPvh x tỷ lệ		C
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC (*)	(C + CPvh) x tỷ lệ		TL
	Chi phí trước thuế	(CPvh + C + TL)		CPvhtt
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	CPvhtt x T^{GTGT}		GTGT
	Chi phí vận hành một ngày sau thuế	Gvhtt + GTGT		Gvhst

Trong đó:

- Định mức tỷ lệ % chi phí chung theo quy định của Bộ Xây dựng đối với loại công trình hoặc công việc phù hợp;

- Thu nhập chịu thuế tính trước thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, nhưng không tính thu nhập chịu thuế tính trước đối với các trường hợp: công tác giao dịch thanh toán dịch vụ sử dụng đường bộ trong các trường hợp cơ quan quản lý đường bộ, hoặc doanh nghiệp dự án trong các dự án đối tác công tư và chủ quản lý sử dụng công trình tự tổ chức giao dịch thanh toán dịch vụ sử dụng đường bộ hoặc trong chi phí đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư đã quy định thu nhập của nhà đầu tư; công tác kiểm soát tải trọng xe;

- CPvhtt: chi phí vận hành một ca (một ngày) trước thuế;
- T^{GTGT} : mức thuế suất thuế giá trị gia tăng quy định;
- Gvhst: chi phí vận hành một ca (một ngày) của trạm sau thuế.

g) Chi phí vận hành khai thác trong thời gian yêu cầu:

- Chi phí vận hành trong thời gian yêu cầu bằng chi phí vận hành một ngày (một ca) nhân (x) với thời gian yêu cầu.

$$CP_{vh} = CP_{vhst} \times N$$

Trong đó:

- CP_{vh} chi phí vận hành trong thời gian yêu cầu là tháng, quý, năm hoặc toàn bộ thời gian cần tính cho cả vòng đời công trình;
- CP_{vhst} chi phí vận hành khai thác một ngày của trạm;
- N số ngày cần tính trong thời gian yêu cầu.

Trường hợp chi phí vận hành tính cho một ca, thì chi phí vận hành một ngày bằng chi phí vận hành một ca (x) nhân số ca vận hành trong ngày.

PHỤ LỤC VI

MẪU BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số /20 /TT-BGTVT ngày tháng năm 20 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

(Báo cáo quý/năm)

Đơn vị thực hiện:.....

[illegible]

PHỤ LỤC SỐ VII
YÊU CẦU KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG BẢO DƯỠNG
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THEO CHẤT
LƯỢNG THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /20 /TT-BGTVT ngày tháng năm 20 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Yêu cầu kỹ thuật chất lượng, mức độ đáp ứng và thời gian cho phép khắc phục tồn tại đối với hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (trừ đường cao tốc)

1. Công tác quản lý công trình đường bộ

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1.1	Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình	Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và Mục 4.2.1 của Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Có đủ các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của hợp đồng; thể hiện đầy đủ, chính xác các số liệu so với hiện trường và quy định; cập nhật, bổ sung những thay đổi của công trình vào hồ sơ, tài liệu. b) Lưu giữ, bảo quản có hệ thống, khoa học, không mất, hư hỏng hồ sơ. Cung cấp hồ sơ, tài liệu kịp thời khi cơ quan quản lý đường bộ (cơ quan ký kết hợp đồng - Bên A) yêu cầu. c) Đối với việc quản lý cầu bằng phần mềm quản lý (VBMS, LRMS) và các công việc khác đã quy định sử dụng phần mềm quản lý phải được cập nhật và lưu trữ thường	a) Các thay đổi công trình đường bộ phải được cập nhật không quá 15 ngày. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			xuyên trên phần mềm quản lý.	
1.2	Công tác tuần đường	Thực hiện theo Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT và các nội dung Mục 4.2.8 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Bố trí đủ nhân viên tuần đường, trang bị đủ cho nhân viên tuần đường; tổ chức thực hiện nhiệm vụ của nhân viên tuần đường, xử lý kiến nghị của nhân viên tuần đường, cập nhật kết quả tổ chức khắc phục hư hỏng, xuống cấp của công trình, bộ phận, hạng mục công trình, tham gia xử lý tai nạn, khắc phục bão lũ, bảo vệ công trình và hành lang an toàn đường bộ, báo cáo theo quy định. b) Sổ nhật ký tuần đường thể hiện đầy đủ kết quả hoạt động tuần đường, nhận xét, ý kiến xử lý của nhà thầu theo quy định tại Điều 4, Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT. c) Các quy định khác: - Phát hiện kịp tình trạng bất thường, sự cố của công trình đường bộ, các công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông và tai nạn, ùn tắc giao thông (chụp ảnh hiện trạng hư hỏng, tai nạn và báo cáo kịp thời).	a) Cho phép thời gian khắc phục khi chưa trang bị đủ trang phục và thiết bị của nhân viên tuần đường là 01 tháng kể từ khi ký kết hợp đồng. b) Đối với các lỗi không đáp ứng còn lại: thời gian khắc phục tối đa không quá 01 ngày kể từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			- Thống kê, nắm rõ số lượng, vị trí, tình trạng chi tiết của công trình đường bộ trong đoạn tuyến được giao; phát hiện hư hỏng, sự xâm hại công trình; xử lý hoặc báo cáo để có biện pháp xử lý. - Theo dõi tai nạn giao thông và xử lý theo quy định. - Phát hiện kịp thời, lập biên bản xác nhận hành vi vi phạm công tác quản lý, bảo vệ phạm vi đất của đường bộ, báo cáo Bên A xử lý theo quy định.	
1.3	Đếm xe	Thực hiện việc đếm xe theo Mục 4.2.5 của Tiêu chuẩn TCCS 07:2013/TCĐBVN hoặc ý kiến chỉ đạo của cơ quan quản lý đường bộ.	a) Phiếu đếm xe chi tiết thể hiện đầy đủ, chính xác kết quả đếm xe được phân loại theo yêu cầu của hợp đồng hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian đếm xe. Báo cáo tổng hợp kết quả đếm xe của đợt đếm cụ thể từng ngày, số ca đếm trong ngày, số xe được phân loại cụ thể theo các chiều. b) Chế độ báo cáo, tổng hợp, lưu trữ và các nội dung khác thực hiện theo quy định do cơ quan có thẩm quyền ban hành, quy định trong hợp đồng bảo trì.	a) Ngày đếm xe được phép lùi (hoặc tiến) không quá 5 ngày so với quy định nếu trùng vào dịp Lễ, Tết hoặc sự kiện, sự cố ảnh hưởng làm thay đổi đợt ngọt lưu lượng. b) Công tác tổng hợp, lưu trữ và báo cáo kết quả đếm xe cho phép chậm không quá 10 ngày kể từ ngày phải đếm xe.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1.4	Quản lý bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Thực hiện các công việc quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, đất của đường bộ, công trình đường bộ và kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 7 Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT; thực hiện quy định tại Mục 4.2.2 và 4.4.3 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Phát hiện, xử lý theo quy định, ngăn chặn kịp thời các vi phạm hành lang và kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. b) Phối hợp chặt chẽ với người quản lý sử dụng công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ, chính quyền địa phương, lực lượng thanh tra và công an trong công tác bảo dưỡng, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả kiểm tra cột mốc giải phóng mặt bằng, mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ vào hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ. Trường hợp phát hiện mất mốc phải xử lý ngay hoặc báo cáo chính quyền địa phương và cơ quan quản lý đường bộ để xử lý. c) Tổng hợp, báo cáo kết quả xử lý vi phạm đầy đủ, đúng quy định.	15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.
1.5	Đảm bảo trật tự an toàn giao thông.	Theo dõi tình hình tai nạn giao thông, tham gia xử lý, báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và điểm c, khoản 8	a) Khi có tai nạn giao thông, phải thông báo ngay cho lực lượng chức năng, xử lý ùn tắc giao thông, tham gia hướng dẫn giao thông (nếu cần), tham gia cứu	a) Đối với công tác báo cáo: cho phép chậm không quá 02 ngày theo quy định, nhưng trước khi nghiệm thu

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT và Mục 4.2.6, 4.2.7 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	nạn cứu hộ, bảo vệ hiện trường. Phát hiện, phối hợp kịp thời với lực lượng chức năng lập biên bản xác nhận thiệt hại đối với các vụ tai nạn giao thông gây hư hỏng công trình đường bộ. b) Phát hiện, theo dõi kịp thời các tồn tại trong tổ chức giao thông, điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. c) Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.	tháng phải báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.
1.6	Trực đảm bảo giao thông, xử lý khi có bão, lũ lụt, mưa, sạt lở	Trực đảm bảo giao thông khi có bão lụt, tổ chức đảm bảo giao thông theo quy định Mục 4.2.3 của TCCS 07:2013/TCĐBVN; xử lý khi có bão, lũ lụt, mưa, sạt lở theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT.	a) Trực đảm bảo giao thông khi có bão, lũ lụt, mưa lớn; nắm bắt tình hình thiệt hại; ghi chép đầy đủ diễn biến thời tiết, các hư hỏng công trình đường bộ được giao quản lý trong ca trực. b) Báo cáo ngay khi có sự cố, tham gia xử lý các sự cố, đảm bảo thông đường theo điều kiện hợp đồng, quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	a) Đối với công tác báo cáo: báo cáo Bên A ngay khi xảy ra sự cố. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của Bên A.
1.7	Kiểm tra, cập	Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột	a) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, dấu	a) Việc cập nhật các thay đổi

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	nhật số liệu cầu đường	xuất, cập nhật và tổng hợp báo cáo theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 4; khoản 4, khoản 8 Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT và Mục 4.2.9 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	hiệu hư hỏng công trình đường bộ, thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ theo quy định hợp đồng. b) Trường hợp hư hỏng, xuống cấp nằm ngoài phạm vi hợp đồng, báo cáo kịp thời Bên A để có biện pháp sửa chữa, khắc phục. c) Báo cáo Bên A tình trạng kỹ thuật của các hạng mục công trình, các hiện tượng hư hỏng, xuống cấp của các hạng mục các công trình được giao quản lý theo yêu cầu của TCCS 07:2013/TCĐBVN; lưu giữ đầy đủ các biên bản, phiếu kiểm tra. d) Cập nhật đầy đủ vào hồ sơ, tài liệu hoặc các phần mềm quản lý cầu, đường.	công trình đường bộ: không quá 15 ngày sau khi có thay đổi. b) Đối với các hư hỏng xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình: phát hiện, báo cáo không quá 01 ngày khi xảy ra sự cố. c) Đối với các nội dung còn lại: không quá 15 ngày.

2. Bảo dưỡng mặt đường[1]

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
2.1	Đường bê tông nhựa (BTN), láng nhựa			
2.1.1	Vá ổ gà (gồm cả vá mép mặt đường sứt vỡ)	Vá ổ gà theo quy định tại Mục 5.4.3.3 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Xử lý kịp thời các vị trí ổ gà ngay từ khi phát hiện. b) Các miếng vá phải cùng cao độ với mặt đường xung quanh với dung sai tối đa + 5 mm; những miếng vá có diện tích > 0,1 m²	Thời gian cho phép khắc phục trong vòng 03 ngày đối với tuyến đường cấp I, II, 05 ngày đối với các tuyến đường cấp III - VI

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			được vá theo hình chữ nhật, hình vuông; các cạnh miềng và phải song song hoặc vuông góc với tim đường. c) Các miềng vá được vá bằng các vật liệu quy định trong các tiêu chuẩn kỹ thuật. Vật liệu vá phải tương đương hoặc tốt hơn so với vật liệu đã được sử dụng cho mặt đường xung quanh (mặt đường bê tông nhựa (BTN) phải được vá bằng BTN nóng, hoặc BTN ấm, hoặc BTN nguội; trên các tuyến đường cấp thấp tại những nơi khó khăn trong việc sản xuất, cung ứng các loại BTN, cho phép sử dụng vật liệu carboncor để vá. Mặt đường láng nhựa phải được vá bằng láng nhựa, các loại bê tông nhựa, carboncor, đá dăm đen). d) Mỗi nối giữa miềng vá với mặt đường xung quanh không được để khe hở rộng quá 03 mm.	kể từ khi xuất hiện.
2.1.2	Vết nứt dọc, nứt ngang đơn lẻ	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.5 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Trên mặt đường không có vết nứt có độ rộng trên 05 mm.	Khi xuất hiện vết nứt loại này thì thời gian cho phép sửa chữa trong vòng 07 ngày đối với mùa mưa, 14

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
				ngày đối với mùa khô.
2.1.3	Xử lý nứt mai rùa và các dạng nứt dày đặc khác.	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.4 của TCCS 07:2013/TCĐBVN. Khi mặt đường xuất hiện các vết nứt, bong tróc phải xử lý ngay bằng cách láng nhựa nóng hoặc nhũ tương a xít hoặc bằng các vật liệu khác phù hợp đảm bảo ngăn không cho nước ngấm xuống lớp dưới và đảm bảo mặt đường êm thuận. Trình tự thực hiện theo Tiêu chuẩn thi công mặt đường láng nhựa nóng TCVN 8863:2011 hoặc láng nhựa nhũ tương nhựa đường a xít TCVN 9505:2012 tương ứng.	Diện tích mặt bị nứt không được vượt quá 10% diện tích mặt đường tính cho 50 m dài đường bất kỳ.	Khi xuất hiện vết nứt loại này, thời gian cho phép sửa chữa trong vòng 07 ngày đối với mùa mưa, 14 ngày đối với mùa khô.
2.1.4	Xử lý lún lõm, đầy trời, dòn nhựa, lún vệt bánh xe, bong bật và bong tróc	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.6, 5.4.3.7, 5.4.3.8 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Không để tình trạng lún lõm quá 25 mm đối với đường bê tông nhựa, không quá 50 mm đối với đường láng nhựa. b) Các hư hỏng đầy trời, dòn nhựa không được hư hỏng mức độ M trở lên theo TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Các chỗ lún lõm vượt quá mức giới hạn phải được loại bỏ không quá 10 ngày (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			c) Vật liệu vữa và các nội dung khác như đối với công tác vữa ổ gà tại Mục 2.1.1.	
2.1.5	Sinh lún	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.10 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Không được để sinh lún phát triển thành rạn nứt lớn và không được để lún lõm quá 25 mm đối với đường bê tông nhựa, 50 mm đối với đường láng nhựa, thấm nhập nhựa. Đồng thời, không được quá 0,5% diện tích mặt đường rạn nứt và lún lõm nhỏ hơn các quy định trên. b) Yêu cầu mức độ đáp ứng khi xử lý sinh lún như đối với công tác vữa ổ gà tại Mục 2.1.1.	Các chỗ sinh lún phải được loại bỏ trong vòng 10 ngày (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
2.1.6	Vệ sinh mặt đường	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.1 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Mặt đường (bao gồm cả dải phân cách giữa) và lề đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch (không được có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác); không để đọng đất, cát trên mặt đường; dải phân cách không để bụi đất bám làm mất tác dụng của sơn báo hiệu; đáp ứng các yêu cầu sau:	
			a) Khắc phục các chướng ngại vật đe dọa tới công tác an toàn giao thông như: đất, đá, động vật chết, vật liệu.	01 giờ kể từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			b) Khắc phục các vật liệu dễ cháy trên mặt đường như: nhiên liệu, dầu hoặc chất hóa học.	04 giờ kể từ khi phát hiện.
			c) Khắc phục các mảnh vỡ khác không đe dọa trực tiếp tới an toàn giao thông.	07 ngày kể từ khi phát hiện.
2.2.	Đường bê tông xi măng			
2.2.1	Xử lý khe co, khe giãn và khe dọc	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.2, 5.4.2.2 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Các khe co, khe giãn, khe dọc không bị bong bật mất vật liệu chèn khe có mức độ hư hỏng M trở lên[2].	Phải xử lý trong vòng 07 ngày sau khi phát hiện (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
2.2.2	Xử lý vết nứt	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.4 - 5.4.2.7 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Không để xuất hiện vết nứt có mức độ hư hỏng M trở lên.	Phải sửa chữa trong vòng 07 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 14 ngày (đối với mùa khô)
2.2.3	Vệ sinh mặt đường	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.1 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Mặt đường (bao gồm cả dải phân cách giữa) và lề đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch (không được có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác); không để đọng đất, cát trên mặt đường; dải phân cách không để bụi đất bám làm mất tác dụng của sơn báo hiệu; đáp ứng các yêu cầu sau:	
			a) Khắc phục chướng ngại vật đe dọa	01 giờ kể từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			tới công tác an toàn giao thông như đất, đá, động vật chết, vật liệu bị đổ đi.	
			b) Khắc phục các vật liệu dễ cháy trên mặt đường như nhiên liệu, dầu hoặc chất hóa học.	04 giờ kể từ khi phát hiện.
			c) Khắc phục các mảnh vỡ khác với không đe dọa trực tiếp tới an toàn giao thông.	07 ngày kể từ khi phát hiện.
2.3	Đường đá dăm, cấp phối tự nhiên			
2.3.1	Vá ổ gà, lún lõm cục bộ	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.4.2, 5.4.5.5 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Không có ổ gà, lún lõm cục bộ trên mặt đường đang khai thác. Trường hợp có ổ gà thì phải được vá sửa. Trường hợp gặp trời mưa liên tục hoặc vì lý do bất khả kháng cho phép sửa chữa đảm bảo giao thông tạm bằng vật liệu khác nhưng sau đó phải thực hiện như yêu cầu.	Thời gian cho phép khắc phục trong vòng 05 ngày sau khi phát hiện.
2.3.2	Xử lý lún lõm, gồ ghề	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.4.1 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Không được để các chỗ lún lõm, trồi lún quá 50 mm hoặc gây ảnh hưởng đến người tham gia giao thông, mặt đường còn nguyên mui lượn, không đọng nước.	Thời gian cho phép khắc phục trong vòng 10 ngày sau khi phát hiện (không tính các ngày trời mưa, mặt đường bị ngập không thi công được).
2.3.3	Sinh lún	Xử lý theo quy định tại Mục	Không được để sinh lún phát triển thành rạn nứt lớn, lún	Các chỗ sinh lún phải được loại bỏ trong vòng 10

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		5.4.5.6 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	lõm quá 50mm. Diện tích sinh lún không được quá 0,5% diện tích mặt đường.	ngày (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
2.3.4	Vệ sinh mặt đường	Tùy theo mức độ bẩn của mặt đường để bố trí số lần vệ sinh, tưới nước chống bụi vào những ngày hanh khô.	Mặt đường (bao gồm cả dải phân cách giữa) và lề đường không được có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác.	Khắc phục trong vòng 01 giờ nếu gây nguy hiểm mất an toàn giao thông; trong vòng 07 ngày đối với trường hợp còn lại.
2.3.5	Các nội dung khác	Khi có nước trên mặt đường phải tổ chức khơi thông nước, bổ sung kết cấu mặt bù vào các vị trí lún lõm; Tùy theo điều kiện nguồn vốn và quy định tại hợp đồng để bổ sung, điều chỉnh các nội dung phù hợp.	Không để mặt đường đọng nước.	Thời gian cho phép khắc phục không quá 24 giờ.

3. Tiêu chí chất lượng hệ thống an toàn giao thông và hệ thống chiếu sáng

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
3.1	Biển báo	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.1 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	Bảo quản đầy đủ biển báo từ khi nhận bàn giao; đảm bảo chất lượng, rõ ràng, không bị bẩn, chắc chắn, dễ nhận biết từ xa và phải quan sát được rõ cả ngày và đêm.	Đối với hư hỏng, mất phải sửa chữa thay thế trong vòng 01 ngày đối với biển báo cấm, biển hiệu lệnh; 03 ngày với các biển còn lại sau khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
3.2	Vạch sơn kẻ đường, gờ giảm tốc.	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.2 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	Duy trì các vạch sơn khi nhận bàn giao, thường xuyên vệ sinh bảo đảm sáng rõ, không bị cát bụi lấp, dễ nhận biết; không bị mờ hoặc bong tróc.	Đối với những vạch sơn mặt đường hư hỏng cục bộ phải được sơn dặm trong vòng 28 ngày.
3.3	Cột Km, cọc H, cọc mốc giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ và cọc tiêu	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.12 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	Đảm bảo dễ nhận biết, dễ đọc, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời.	Sửa chữa, thay thế trong vòng 07 ngày.
3.4	Tường hộ lan, tôn sóng	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.8 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	a) Bảo quản đầy đủ tường hộ lan, tôn sóng từ khi nhận bàn giao. b) Đảm bảo dễ nhận biết, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng phải được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày khi phát hiện.
3.5	Dải phân cách bằng trụ bê tông luồn ống thép, khung	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.10 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	Đảm bảo dễ nhận biết, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	lưới thép, trụ dẽo		lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	
3.6	Mắt phản quang, đỉnh phản quang, tấm chống chói, gương cầu lồi	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.4, 5.12.5, 4.12.13 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	Đảm bảo dễ nhận biết, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày khi phát hiện.
3.7	Dải phân cách giữa, đảo giao thông	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.6, 5.12.11 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	Đảm bảo sạch, không nứt vỡ hư hỏng; cây cỏ không chồm lên mặt đường, không cho phép cành cây và cỏ chừa ra mặt ngoài hàng vỉa bê tông và không cao quá 1,2 m kể từ cao độ mặt nhựa (đối với cây) và cỏ không cao quá 0,2 m đối với dải phân cách.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 03 ngày khi phát hiện.
3.8	Đường cứu nạn (nếu có)	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.9 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	Đường vào luôn thông thoáng, dễ nhận biết, không có vật cản, đảm bảo thoát nước, có đủ độ xốp, đủ ma sát theo thiết kế ban đầu.	Các vật cản trên mặt đường phải được xử lý trong vòng 12 giờ; các tồn tại khác phải khắc phục trong 01 ngày.
3.9	Hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.7.1.3 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	a) Bảo quản đầy đủ từ khi nhận bàn giao, đảm bảo thời lượng thấp sáng đúng quy định. Đèn tín hiệu giao thông luôn	a) Bóng đèn hỏng phải sửa chữa, thay thế trong vòng 02 ngày.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	thông (nếu có)		trong tình trạng hoạt động bình thường. b) Cột đèn cần đèn phải chắc chắn không nghiêng lệch, sạch, không bị rỉ sét, nứt vỡ.	b) Cột đèn, cần đèn bị hư hỏng phải được khắc phục hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày.

4. Tiêu chí chất lượng nền đường, thoát nước và chăm sóc cây xanh

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
4.1	Taluy đắp và taluy đào	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.1.2, 5.1.3, 5.1.4 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	Đảm bảo hình dạng ban đầu, không bị xói lở; đảm bảo độ chặt (đối với taluy đất); cụ thể: a) Khi có sạt lở nhỏ phải tổ chức xử lý đảm bảo an toàn giao thông. b) Các hư hỏng lớn vượt quá tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức bảo dưỡng thường xuyên do mưa bão, lở đất phải báo cáo kịp thời cho cơ quan được giao quản lý tài sản để được xem xét xử lý.	a) Phải hoàn tất sửa chữa trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện hư hỏng (mùa mưa), 03 ngày (mùa khô). b) Trường hợp sạt lở khối lượng nhỏ làm ách tắc giao thông phải khắc phục ngay để đảm bảo giao thông trong vòng 06 giờ. c) Hư hỏng lớn phải báo cáo ngay trong vòng 01 giờ.
4.2	Phát cây, cắt cỏ, tỉa cành	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.1.2.3, 5.1.2.4, 5.1.2.5 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	a) Không che khuất cọc tiêu, biển báo, cột Km và ảnh hưởng đến thoát nước; không ảnh hưởng tầm nhìn. b) Đối với taluy dương trong phạm vi chiều cao $\leq 4,0$ m cây cỏ không được cao quá 0,2 m. c) Đối với taluy âm trong phạm vi 1,0 m từ vai đường trở ra và trong	a) Cây cỏ phải được cắt, phát quang trong vòng 03 ngày khi phát hiện. b) Cây đổ ngang đường phải khắc phục để đảm bảo an toàn giao thông trong thời gian 03 giờ kể từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			bụng đường cong cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2 m. d) Cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2 m và chòm ra mặt đường.	
4.3	Lề đường	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.2 của TCCS 07:2013/TCĐBVN .	a) Chênh lệch cao độ lề đường so với mép mặt đường không được vượt quá 50 mm. b) Lề đường có gia cố lớp mặt không bị biến dạng, xói lở ổ gà, vỡ mép. Phạm vi lề đường, đất của đường bộ phải thông thoáng, không có vật liệu, chất thải chất đóng.	Các hư hỏng của lề đường phải được khắc phục trong vòng 14 ngày sau khi được phát hiện.
4.4	Rãnh và các công trình thoát nước có gia cố (gạch, đá, bê tông xi măng)	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.3 của TCCS 07:2013/TCĐBVN .	Phải đảm bảo thông thoáng, không được để đọng rác, bùn, đất, các vật gây cản trở dòng chảy; các bộ phận được gia cố không bị hư hỏng, mất; không xói lở xung quanh kết cấu rãnh.	Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện đối với mùa mưa, 07 ngày đối với mùa khô. Hư hỏng lớn, mất phải được sửa chữa hoặc báo cáo trong vòng 14 ngày sau khi được phát hiện.
4.5	Rãnh và các công trình thoát nước bằng đất đá tự nhiên	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.3 của TCCS 07:2013/TCĐBVN .	Không có chướng ngại vật gây cản trở dòng chảy; không gây ngập úng khi trời mưa.	Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện đối với mùa mưa, 07 ngày đối với mùa khô. Hư hỏng, sạt lở phải được sửa chữa trong vòng 07 ngày sau khi được phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
4.6	Hố thu và cống	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.3 của TCCS 07:2013/TCĐBVN .	Phải sạch rác và bùn đất, không có vật gây cản trở dòng chảy, không bị hỏng, mất về kết cấu; xung quanh phải được lèn chặt bằng vật liệu thích hợp.	Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 07 ngày (đối với mùa khô) Hư hỏng phải được sửa chữa trong vòng 14 ngày sau khi được phát hiện.
4.7	Hệ thống cây xanh	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.14 của TCCS 07:2013/TCĐBVN .	a) Cây xanh, thảm cỏ luôn được phát quang, xén tỉa đảm bảo tầm nhìn, mỹ quan, không che khuất tầm nhìn, cọc tiêu, biển báo, cột Km, hộ lan, tường chắn và ảnh hưởng đến việc thoát nước. b) Đối với dải phân cách giữa, đảo giao thông không cho phép cành cây và cỏ chồm ra mặt ngoài hàng vỉa bê tông, cây cao không quá 1,3 m tính từ cao độ mặt vỉa.	Cây cỏ phải được cắt tỉa, phát quang, dọn dẹp trong vòng 03 ngày kể từ khi phát hiện chồm ra mặt đường làm che khuất tầm nhìn và gây cản trở giao thông. Khi có cây đổ ngang đường phải khắc phục để đảm bảo giao thông trong thời gian 03 giờ sau khi phát hiện.

5. Tiêu chí chất lượng cầu và các công trình khác

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
5.1	Công trình có kết cấu bằng thép hoặc bằng kim loại khác	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.11.8.2 của TCCS 07:2013/TCĐBVN .	a) Kết cấu sạch, không đọng nước. Các bộ phận kim loại của toàn bộ công trình phải được sơn hoặc nếu không phải được bảo vệ và không bị xói mòn, rỉ sét.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			b) Khi công trình bị hư hỏng đe dọa tới tính toàn vẹn kết cấu của công trình, nhà thầu phải thông báo ngay cho cấp có thẩm quyền; đồng thời phải có biện pháp cảnh báo cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến; cần thiết phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình và an toàn giao thông.	
5.2	Công trình có kết cấu bê tông, đá xây	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.11.8.1 của TCCS 07:2013/TCĐBVN .	a) Tình trạng công trình bình thường, vệ sinh sạch sẽ, không đọng nước, các hư hỏng nhỏ phải được sửa chữa hoặc theo dõi. b) Khi công trình bị hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn kết cấu của công trình, nhà thầu phải thông báo ngay cho cấp có thẩm quyền; đồng thời phải có biện pháp cảnh báo cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến. Cần thiết phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình và an toàn giao thông.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.
5.3	Khe co giãn cầu, gối cầu, móng trụ cầu	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.11.7, 5.11.9, 5.11.10 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	a) Sạch đất cát, không bong tróc, mất bu lông và không biến dạng, hư hỏng, đảm bảo trong tình trạng tốt. Gối cầu thép phải được bôi mỡ. b) Đối với các hư hỏng, biến dạng của gối cầu, móng trụ cầu phải được phát hiện, báo cáo và theo dõi thường xuyên.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng: a) 01 ngày từ khi phát hiện đối với khe co giãn. b) 05 ngày từ khi phát hiện với gối, móng, trụ cầu.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			c) Các nguyên nhân dẫn đến việc không đảm bảo yêu cầu phải được thực hiện trong thời gian 14 ngày sau khi nước rút.	
5.4	Mặt cầu, đường đầu cầu	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.11.1, 5.11.4 đến mục 5.11.6, 5.11.11 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	a) Không có ổ gà, vệ sinh sạch, thoát nước tốt. Đảm bảo êm thuận phần tiếp giáp đầu cầu. b) Xử lý ổ gà, rạn nứt, trồi lún như quy định đối với mặt đường tương ứng tại điểm 2 Mục I của Phụ lục này. c) Có biển cảnh báo, giảm tốc độ phù hợp khi có hư hỏng trong thời gian chờ xử lý. d) Các chỗ lún lõm, ổ gà phải được xử lý đảm bảo giao thông ngay sau không quá 02 ngày phát hiện.	Khắc phục hư hỏng trong vòng 02 ngày từ khi phát hiện.
5.5	Kè dẫn hướng, các kết cấu phòng hộ	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.11.12 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	Tình trạng công trình bình thường; không có hư hỏng, không có cây cối ảnh hưởng đến dòng chảy và kết cấu công trình. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.
5.6	Tường chắn, kè	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.5 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	Tình trạng tường chắn bình thường; không có hư hỏng, không có cây cối ảnh hưởng đến dòng chảy và kết cấu công trình, đảm bảo thoát nước bình thường. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
5.7	Đường tràn, đường ngầm	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.6 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	Dễ nhận biết khi bị ngập do lũ lụt, không có hư hỏng; không bị ách tắc dòng chảy, đảm bảo an toàn giao thông. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi phát hiện.
5.8	Hầm đường bộ	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.7 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	a) Đảm bảo mặt đường sạch, thoát nước và đảm bảo chiếu sáng đảm bảo an toàn giao thông. b) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, xử lý các hư hỏng nhỏ và theo dõi, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày từ khi phát hiện

II. Yêu cầu kỹ thuật chất lượng, mức độ đáp ứng và thời gian cho phép khắc phục tồn tại đối với hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cao tốc

1. Công tác quản lý công trình đường bộ

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1.1	Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình	Thực hiện đầy đủ theo các nội dung tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và Mục 4.1.1 của Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên công trình đường cao tốc TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Có đủ các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của hợp đồng; thể hiện đầy đủ, chính xác các số liệu so với hiện trường và quy định; cập nhật, bổ sung những thay đổi của công trình vào hồ sơ, tài liệu. b) Lưu giữ, bảo quản có hệ thống, khoa học, không mất, hư hỏng hồ sơ. Cung cấp hồ sơ, tài liệu kịp thời khi cơ quan quản lý đường bộ (cơ	a) Các thay đổi công trình đường bộ phải được cập nhật không quá 15 ngày. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			quan ký kết hợp đồng - Bên A) yêu cầu. c) Đối với việc quản lý cầu bằng phần mềm quản lý (VBMS, LRMS) và các công việc khác đã quy định sử dụng phần mềm quản lý phải được cập nhật và lưu trữ thường xuyên trên phần mềm quản lý.	
1.2	Công tác tuần đường	Thực hiện đầy đủ theo Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT và các nội dung Tiêu chuẩn quản lý và khai thác đường cao tốc - Tuần đường và xử lý sự cố trên đường cao tốc TCCS 16:2016/TCĐBVN.	a) Lập kế hoạch tuần đường; bố trí đủ nhân viên tuần đường, trang bị đủ cho nhân viên tuần đường; tổ chức thực hiện công tác tuần đường; xử lý kiến nghị của nhân viên tuần đường, cập nhật kết quả tổ chức khắc phục hư hỏng, xuống cấp của công trình, bộ phận, hạng mục công trình; xử lý kịp thời các vi phạm, tai nạn, sự cố; khắc phục bão lũ, bảo vệ công trình và hành lang an toàn đường bộ, báo cáo theo quy định. b) Sổ nhật ký tuần đường thể hiện đầy đủ kết quả hoạt động tuần đường, nhận xét, ý kiến xử lý của nhà thầu theo quy định tại Điều 4, Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT. c) Các quy định khác:	a) Cho phép thời gian khắc phục khi chưa trang bị đủ trang phục và thiết bị của nhân viên tuần đường là 01 tháng kể từ khi ký kết hợp đồng. b) Đối với các lỗi không đáp ứng còn lại: thời gian khắc phục tối đa không quá 01 ngày kể từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			- Phát hiện tình trạng bất thường, sự cố của công trình đường bộ, các công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông và tai nạn, ùn tắc giao thông (chụp ảnh hiện trạng hư hỏng, tai nạn và báo cáo kịp thời). - Thống kê, nắm rõ số lượng, vị trí, tình trạng chi tiết của công trình đường bộ trong đoạn tuyến được giao; phát hiện hư hỏng, sự xâm hại công trình; xử lý hoặc báo cáo để có biện pháp xử lý. - Theo dõi tai nạn giao thông và xử lý theo quy định. - Công tác quản lý, bảo vệ phạm vi đất của đường bộ: phát hiện kịp thời, lập biên bản xác nhận hành vi vi phạm, báo cáo Bên A xử lý theo quy định. - Theo dõi việc thi công công trình trên đường bộ đang khai thác, nhắc nhở nhà thầu thi công bảo đảm an toàn giao thông; nếu phát hiện các hành vi gây mất an toàn giao thông báo cáo ngay tuần kiểm viên để xử lý kịp thời.	

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1.3	Đếm xe	Thực hiện theo các nội dung Mục 4.1.1.6 của Tiêu chuẩn TCCS 17:2016/TCĐBVN hoặc ý kiến chỉ đạo của cơ quan quản lý đường bộ.	a) Phiếu đếm xe chi tiết thể hiện đầy đủ, chính xác kết quả đếm xe được phân loại theo yêu cầu của hợp đồng hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian đếm xe. Báo cáo tổng hợp kết quả đếm xe của đợt đếm cụ thể từng ngày, số ca đếm trong ngày, số xe được phân loại cụ thể theo các chiều. b) Chế độ báo cáo, tổng hợp, lưu trữ và các nội dung khác thực hiện theo quy định tại các tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành, quy định trong hợp đồng bảo trì.	a) Ngày đếm xe được phép lùi (hoặc tiến) không quá 05 ngày so với quy định nếu trùng vào dịp Lễ, Tết hoặc sự kiện, sự cố ảnh hưởng làm thay đổi đợt lượt lưu lượng. b) Công tác tổng hợp, lưu trữ và báo cáo kết quả đếm xe cho phép chậm không quá 10 ngày kể từ ngày phải đếm xe.
1.4	Quản lý bảo vệ hành lang an toàn và công trình đường cao tốc	Thực hiện các công việc quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, đất của đường bộ, công trình đường bộ và kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại khoản 3, Điều 12 Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT; khoản 1 Điều 4 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT; quy định tại Mục 4.1.3 và Mục 4.1.3.3 TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Phát hiện, xử lý theo quy định, ngăn chặn kịp thời các vi phạm hành lang và kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. b) Phối hợp chặt chẽ với người quản lý sử dụng công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ, chính quyền địa phương, lực lượng thanh tra và công an trong công tác bảo dưỡng, vận hành khai thác công trình, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả kiểm tra cột mốc giải phóng mặt	15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			bằng, mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ vào hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ. Trường hợp phát hiện mất mốc, phải xử lý ngay hoặc báo cáo chính quyền địa phương và cơ quan quản lý đường bộ để xử lý. c) Tổng hợp, báo cáo kết quả xử lý vi phạm đầy đủ, đúng quy định.	
1.5	Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, xử lý tai nạn giao thông	Thực hiện báo cáo, xử lý theo Điều 13 Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT, Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT; Mục 5.2 của Tiêu chuẩn TCCS 16:2016/TCĐBVN.	a) Khi phát hiện tai nạn giao thông, báo cáo ngay các thông tin ban đầu; tổ chức sơ, cấp cứu ban đầu; bảo vệ hiện trường, tổ chức phân luồng giao thông. Phát hiện, phối hợp kịp thời với lực lượng chức năng lập biên bản xác nhận thiệt hại đối với các vụ tai nạn giao thông gây hư hỏng công trình đường bộ. b) Phát hiện, theo dõi kịp thời các tồn tại trong tổ chức giao thông, điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. c) Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.	a) Báo cáo ngay sau khi phát hiện tai nạn giao thông. b) Đối với công tác báo cáo khác: cho phép chậm không quá 02 ngày theo quy định nhưng trước khi nghiệm thu tháng phải báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông. c) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.
1.6	Trực đảm bảo giao thông; xử lý khi có bão, lũ	Thực hiện theo khoản 3, Điều 12 Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT; Thông tư số 03/2019/TT-	a) Đảm bảo đầy đủ số người trực theo ca, vị trí theo quy định; ghi chép đầy đủ nội dung, diễn biến thời tiết, các hư hỏng công trình đường	a) Các phương án, biện pháp tổ chức ứng phó phải được lập trong vòng 20

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	lụt, mưa, sạt lở	BGTVT; theo quy định của Quy trình vận hành, khai thác tuyến đường đã được phê duyệt.	bộ được giao quản lý trong ca trực. b) Có phương án, biện pháp tổ chức ứng phó các sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. c) Báo cáo ngay khi có sự cố, tham gia xử lý các sự cố, đảm bảo thông đường theo điều kiện hợp đồng, quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	ngày kể từ khi ký hợp đồng. b) Đối với công tác báo cáo: báo cáo Bên A ngay khi xảy ra sự cố. c) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của Bên A.
1.7	Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường	Thực hiện theo khoản 2, khoản 4 Điều 4 và khoản 4, khoản 8 Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT và Mục 4.4 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, dấu hiệu hư hỏng công trình đường bộ, thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ xử lý theo quy định Hợp đồng. b) Trường hợp hư hỏng, xuống cấp nằm ngoài phạm vi hợp đồng thì báo cáo kịp thời cho Bên A để có biện pháp sửa chữa khắc phục. c) Báo cáo Bên A tình trạng kỹ thuật của các hạng mục công trình, các hiện tượng hư hỏng, xuống cấp của các hạng mục các công trình được giao quản lý theo yêu cầu của TCCS 17:2016/TCĐBVN; lưu	a) Việc cập nhật các thay đổi công trình đường bộ: không quá 15 ngày sau khi có thay đổi. b) Đối với các hư hỏng xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình: phát hiện, báo cáo không quá 01 ngày khi xảy ra sự cố. c) Đối với các nội dung còn lại: không quá 10 ngày.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			giữ đầy đủ các biên bản, phiếu kiểm tra. d) Cập nhật đầy đủ vào hồ sơ, tài liệu hoặc các phần mềm quản lý cầu, đường.	

2. Bảo dưỡng mặt đường^[3]

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
2.1	Đường bê tông nhựa (BTN)			
2.1.1	Vá mặt đường bê tông nhựa (xử lý ổ gà, hố, nứt cục bộ, sụt lún)	Vá mặt đường BTN theo quy định tại Mục 5.1.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Xử lý kịp thời các vị trí hư hỏng ngay từ khi phát hiện. b) Các miếng vá phải cùng cao độ với mặt đường xung quanh với dung sai tối đa + 05 mm; những miếng vá có diện tích > 0,1 m² được vá theo hình chữ nhật, hình vuông; các cạnh miếng vá phải song song hoặc vuông góc với tim đường. c) Các miếng vá được vá bằng các vật liệu quy định trong các tiêu chuẩn kỹ thuật. Vật liệu vá phải tương đương hoặc tốt hơn so với vật liệu đã được sử dụng cho mặt đường xung quanh (mặt đường bê tông	Thời gian cho phép khắc phục trong vòng 01 ngày sau khi xuất hiện đối với ổ gà; 05 ngày sau khi xuất hiện đối với các chỗ lún lõm.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			nhựa (BTN) phải được vá bằng BTN nóng hoặc BTN ấm hoặc BTN nguội). d) Trong trường hợp khẩn cấp cho phép sử dụng các vật liệu thích hợp như carboncor, vật liệu làm đường có chất kết dính để vá nhằm đảm bảo giao thông. Khi đó nếu cần phải hạn chế tốc độ do chất lượng vị trí vá tạm không tương ứng với toàn tuyến. Trong vòng 15 ngày phải thay vị trí vá tạm bằng vật liệu tiêu chuẩn dành cho vá đường cao tốc. đ) Mối nối giữa miếng vá với mặt đường xung quanh không được để khe hở rộng quá 03 mm.	
2.1.2	Trám vá mặt đường bê tông nhựa (xử lý các vết nứt mặt đường)	Trám vá mặt đường BTN theo quy định tại Mục 5.1.3 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Trên mặt đường không có vết nứt có độ rộng trên 05 mm. b) Đối với nứt mai rùa: diện tích mặt đường bị nứt không được vượt quá 10% diện tích mặt đường tính cho 50 m dài đường bất kỳ.	Khi xuất hiện vết nứt, thời gian cho phép sửa chữa: a) Đối với chiều rộng vết nứt ≥ 05 mm phải vá láng trong vòng 03 ngày sau khi phát hiện. b) Đối với chiều rộng vết nứt < 05 mm phải sửa chữa trong vòng 05 ngày.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
2.1.3	Vệ sinh mặt đường	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.1.1 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Mặt đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch (không có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác); không tồn tại đất, đá, cát, rác thải trên mặt đường, lề đường, đáp ứng các yêu cầu sau:	
			a) Khắc phục các chướng ngại vật đe dọa tới công tác an toàn giao thông như: đất, đá, động vật chết, vật liệu bị đổ đi.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			b) Khắc phục các vật liệu dễ cháy trên mặt đường như: nhiên liệu, dầu hoặc chất hóa học.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			c) Khắc phục các mảnh vỡ khác với không đe dọa trực tiếp tới an toàn giao thông.	03 ngày kể từ khi phát hiện.
2.2.	Đường bê tông xi măng			
2.2.1	Xử lý khe co, khe giãn và khe dọc	Xử lý theo quy định tại Mục 5.2.2.2. 5.2.2.3 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Các khe co, khe giãn, khe dọc không bị bong bật mất vật liệu chèn khe có mức độ hư hỏng L trở lên theo TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Phải xử lý trong vòng 05 ngày sau khi phát hiện (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
2.2.2	Xử lý vết nứt	Xử lý theo quy định tại Mục 5.2.3 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Không đề xuất hiện vết nứt có mức độ hư hỏng L trở lên theo TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Phải sửa chữa trong vòng 05 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 10

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
				ngày (đối với mùa khô).
2.2.3	Vệ sinh mặt đường	Thực hiện theo quy định tại Mục 2.1.3 như đối với mặt đường bê tông nhựa.	Mặt đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch (không có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác); không tồn tại đất, đá, cát, rác thải trên mặt đường, lề đường, đáp ứng các yêu cầu sau:	
			a) Khắc phục chướng ngại vật đe dọa tới công tác an toàn giao thông như đất, đá, động vật chết, vật liệu bị đổ đi.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			b) Khắc phục các vật liệu dễ cháy trên mặt đường như nhiên liệu, dầu hoặc chất hóa học.	01 giờ kể từ khi phát hiện.
			c) Khắc phục các mảnh vỡ khác với không đe dọa trực tiếp tới an toàn giao thông.	03 ngày kể từ khi phát hiện.

3. Tiêu chí chất lượng hệ thống an toàn giao thông và hệ thống chiếu sáng

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
3.1	Biển báo	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.1.1 và 10.1.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ biển báo từ khi nhận bàn giao; đảm bảo chất lượng, rõ ràng, không bị bẩn, chắc chắn, dễ nhận biết từ xa và phải quan sát được rõ cả ngày và đêm.	Đối với hư hỏng, mất phải sửa chữa thay thế trong vòng 01 ngày đối với biển báo chỉ dẫn, nguy hiểm, biển hiệu lệnh; 03 ngày với

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			b) Biển báo điện tử phải hiển thị đúng và đầy đủ thông tin, tỷ lệ đèn LED bị tắt trên 1 mặt biển báo phải đảm bảo bé hơn 1/4 tổng số đèn sáng.	các biển còn lại sau khi phát hiện.
3.2	Vạch sơn kẻ đường, gờ giảm tốc	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.3, 10.4 của TCCS17:2016/TCĐ BVN.	Duy trì các vạch sơn khi nhận bàn giao, thường xuyên vệ sinh bảo đảm sáng rõ, không bị cát bụi lấp, dễ nhận biết; sơn đậm khi bị mờ hoặc bong tróc.	Đối với những vạch sơn mặt đường hư hỏng cục bộ phải được sơn đậm trong vòng 07 ngày.
3.3	Cột Km, cọc H, trụ dèo, cọc mốc giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ và cọc tiêu	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.6 của TCCS17:2016/TCĐ BVN.	a) Bảo quản đầy đủ các loại cột, cọc từ khi nhận bàn giao. b) Thường xuyên vệ sinh sạch, phát quang đảm bảo tầm nhìn; các loại cột, cọc phải được chắc chắn, không xiêu vẹo; các chữ viết trên cột Km, cọc H, mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ không bị mờ, dễ đọc. c) Nắn chỉnh, sửa chữa kịp thời nếu bị hư hỏng.	Sửa chữa, thay thế trong vòng 07 ngày.
3.4	Tường hộ lan, tôn sóng	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.7 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ tường hộ lan, tôn sóng từ khi nhận bàn giao, phải chắc chắn, không bị bẩn, mờ, đủ bu lông xiết chặt. b) Đảm bảo, dễ nhận biết, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 03 ngày sau khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	
3.5	Dải phân cách giữa, đảo giao thông	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.8 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Kết cấu bê tông, bó vữa đảm bảo chắc chắn, không bị nghiêng đổ; sạch, không nứt vỡ hư hỏng. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 03 ngày khi phát hiện.
3.6	Đỉnh phản quang	Thực hiện theo quy định tại Mục 10.5 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ từ khi nhận bàn giao. b) Đảm bảo chắc chắn, dễ nhận biết, không xiêu vẹo; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. c) Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 03 ngày khi phát hiện.
3.7	Hệ thống chống chói (dạng tấm, lưới,...)	Thực hiện theo quy định tại Mục 11.4 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ từ khi nhận bàn giao. b) Kết cấu đảm bảo chắc chắn, không xiêu vẹo, sạch, dễ nhận biết; các hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. c) Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 03 ngày khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	
3.8	Hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông (nếu có)	Thực hiện theo quy định tại Mục 11.1, 10.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Bảo quản đầy đủ từ khi nhận bàn giao, vận hành hệ thống đảm bảo thời lượng thấp sáng đúng quy định. b) Đèn tín hiệu giao thông luôn trong tình trạng hoạt động bình thường. Cột đèn, cần đèn, tủ điện, chóa đèn phải chắc chắn không nghiêng lệch, sạch, không bị rỉ sét, nứt vỡ. c) Thực hiện cảnh báo, đảm bảo an toàn khu vực khi xảy ra sự cố. Kịp thời xử lý khắc phục sự cố theo quy định. d) Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	a) Bóng đèn hỏng phải sửa chữa, thay thế trong vòng 01 ngày. b) Cột đèn, cần đèn bị hư hỏng phải được sửa chữa khắc phục, hoặc báo cáo trong vòng 02 ngày.

4. Tiêu chí chất lượng nền đường, thoát nước và chăm sóc cây xanh

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
4.1	Taluy đắp và taluy đào	Thực hiện theo quy định tại Mục 6.2, 6.3, 6.4 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Đảm bảo hình dạng ban đầu, không bị xói lở; đảm bảo độ chặt (đối với taluy đất); cụ thể: a) Khi có sạt lở nhỏ phải tổ chức xử lý đảm bảo an toàn giao thông. b) Các hư hỏng lớn vượt quá tiêu chuẩn kỹ	a) Phải hoàn tất sửa chữa trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện hư hỏng (mùa mưa), 03 ngày (mùa khô). b) Trường hợp sạt lở khối

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			thuật và định mức bảo dưỡng thường xuyên do mưa bão, lở đất phải báo cáo kịp thời cho cơ quan được giao quản lý tài sản để được xem xét xử lý.	lượng nhỏ làm ách tắc giao thông phải khắc phục ngay để đảm bảo giao thông trong vòng 06 giờ. c) Hư hỏng lớn phải báo cáo ngay trong vòng 01 giờ.
4.2	Phát cây, cắt cỏ, tỉa cành	Thực hiện theo quy định tại Mục 6.2.3, 6.2.4, 6.2.5 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Không che khuất cọc tiêu, biển báo, cột Km và ảnh hưởng đến thoát nước; không ảnh hưởng tầm nhìn. b) Đối với taluy dương trong phạm vi chiều cao $\leq 4,0$ m cây cỏ không được cao quá 0,2 m. c) Đối với taluy âm trong phạm vi 1,0 m từ vai đường trở ra và trong bụng đường cong cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2 m. d) Cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2 m và chồm ra mặt đường.	a) Cây cỏ phải được cắt, phát quang trong vòng 03 ngày khi phát hiện. b) Cây đổ ngang đường phải khắc phục đảm bảo an toàn giao thông trong vòng 30 phút và dọn xong hoàn toàn trong 03 giờ sau khi phát hiện.
4.3	Lề đường	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.2 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Chênh lệch cao độ lề đường so với mép mặt đường không được vượt quá 50 mm. b) Lề đường có gia cố lớp mặt không bị biến dạng, xói lở ổ gà, vỡ mép. Phạm vi lề đường, đất của đường bộ phải thông thoáng, không có vật liệu, chất thải chất đọng.	Các hư hỏng của lề đường phải được khắc phục sau 05 ngày phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
4.4	Rãnh và các công trình thoát nước	Thực hiện theo quy định tại Mục 7.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Phải đảm bảo thông thoáng, không được đề động rác, bùn, đất, các vật gây cản trở dòng chảy; các bộ phận được gia cố không bị hư hỏng, mất; không xói lở xung quanh kết cấu rãnh.	a) Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện đối với mùa mưa, 05 ngày đối với mùa khô. b) Hư hỏng lớn, mất phải được sửa chữa hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày sau khi được phát hiện.
4.5	Hố thu và cống	Thực hiện theo quy định tại Mục 7.1 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Phải sạch rác và bùn đất, không có vật gây cản trở dòng chảy, không bị hỏng, mất về kết cấu; xung quanh phải được lèn chặt bằng vật liệu thích hợp.	a) Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 05 ngày (đối với mùa khô) b) Hư hỏng phải được sửa chữa hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày sau khi được phát hiện.
4.6	Hệ thống cây xanh	Thực hiện theo quy định tại Mục 11.5 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Cây xanh, thảm cỏ luôn được phát quang, xén tỉa đảm bảo tầm nhìn, mỹ quan, không che khuất tầm nhìn, cọc tiêu, biển báo, cột Km, hộ lan, tường chắn và ảnh hưởng đến việc thoát nước. b) Đối với dải phân cách giữa, đảo giao thông không cho phép cành cây và cỏ mọc chồm ra ngoài hàng vỉa bê tông và chiều cao cây không quá 1,3 –	a) Cây cỏ phải được cắt tỉa, phát quang, dọn dẹp trong vòng 01 ngày kể từ khi phát hiện chồm ra mặt đường làm che khuất tầm nhìn và gây cản trở giao thông. b) Cây đổ ngang đường phải khắc phục trong vòng 30 phút và

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			1,5 m kể từ cao độ mặt vỉa.	dọn xong hoàn toàn trong 03 giờ sau khi phát hiện.

5. Tiêu chí chất lượng cầu, hầm, cống chui, kè, tường chắn, tường chống ồn, trung tâm quản lý điều hành giao thông đường cao tốc, hệ thống giám sát điều hành giao thông trên đường cao tốc, biển báo giao thông điện tử trên đường cao tốc, hệ thống thông tin liên lạc trên đường cao tốc và các công trình khác

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
5.1	Công trình có kết cấu bằng thép hoặc bằng kim loại khác	Thực hiện theo quy định tại Mục 8.2.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Kết cấu sạch, không đọng nước. Các bộ phận kim loại của toàn bộ công trình phải được sơn hoặc nếu không phải được bảo vệ và không bị xói mòn, rỉ sét. b) Khi công trình bị hư hỏng đe dọa tới tính toàn vẹn kết cấu của công trình, nhà thầu phải thông báo ngay cho cấp có thẩm quyền; đồng thời phải có biện pháp cảnh báo cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến; cần thiết phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình và an toàn giao thông.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày từ khi phát hiện.
5.2	Công trình có kết cấu bê tông, đá xây	Thực hiện theo quy định tại Mục	a) Tình trạng công trình bình thường, vệ sinh	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		8.2.1 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	sạch sẽ, không đọng nước, các hư hỏng nhỏ phải được sửa chữa hoặc theo dõi. b) Khi công trình bị hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn kết cấu của công trình, nhà thầu phải thông báo ngay cho cấp có thẩm quyền; đồng thời phải có biện pháp cảnh báo cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến. Cần thiết phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình và an toàn giao thông.	ngày từ khi phát hiện.
5.3	Khe co giãn cầu, gối cầu, mố trụ cầu	Thực hiện theo quy định tại Mục 8.1.6, 8.3 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Sạch đất cát, không bong tróc, mất bu lông và không biến dạng, hư hỏng, đảm bảo trong tình trạng tốt. Gối cầu thép phải được bôi mỡ. b) Đối với các hư hỏng, biến dạng của gối cầu, mố trụ cầu phải được phát hiện, báo cáo và theo dõi thường xuyên. c) Các nguyên nhân dẫn đến việc không đảm bảo	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng: a) 01 ngày từ khi phát hiện đối với khe co giãn. b) 05 ngày từ khi phát hiện với gối, mố, trụ cầu.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			yêu cầu phải được thực hiện trong thời gian 14 ngày sau khi nước rút.	
5.4	Mặt cầu, đường đầu cầu	Thực hiện theo quy định tại Mục 8.1, 8.4 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Không có ổ gà, vệ sinh sạch, thoát nước tốt. Đảm bảo êm thuận phần tiếp giáp đầu cầu. b) Xử lý ổ gà, rạn nứt, trôi lún như quy định đối với mặt đường tương ứng tại điểm 2 Mục II Phụ lục này. c) Có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo quy định khi có hư hỏng trong thời gian chờ xử lý. d) Các chỗ lún lõm, ổ gà phải được xử lý đảm bảo giao thông ngay sau không quá 01 ngày phát hiện.	01 ngày từ khi phát hiện.
5.5	Hầm/Cống chui dân sinh	Thực hiện theo quy định tại Mục 9 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	a) Mặt đường hầm chui sạch, không bị đọng nước. b) Các hư hỏng, khuyết tật phải được xử lý theo tiêu chuẩn kỹ thuật.	a) Công tác vệ sinh mặt đường và phát quang thực hiện trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện bản, cây cối che lấp. b) Các hư hỏng khác xử lý

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			c) Mặt đường ra vào hầm êm thuận. d) Hai đầu hầm không bị khuấy tầm nhìn do cây che lấp. đ) Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày từ khi xuất hiện.
5.6	Kè hướng dòng, các kết cấu phòng hộ	Thực hiện theo quy định tại Mục 8.5 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Tình trạng công trình bình thường; không có hư hỏng, không có cây cối ảnh hưởng đến dòng chảy và kết cấu công trình. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	07 ngày từ khi phát hiện.
5.7	Tường chắn, kè	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.5.2 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	Tình trạng tường chắn bình thường; không có hư hỏng, không có cây cối ảnh hưởng đến dòng chảy và kết cấu công trình, đảm bảo thoát nước bình thường. Hư hỏng lớn ngoài hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	07 ngày từ khi phát hiện.
5.8	Tường chống ồn	Thực hiện theo quy định tại Mục 11.2 của TCCS 17:2016/TCĐBVN.	Tình trạng công trình hoạt động bình thường; không bị bẩn, nghiêng đổ. Hư hỏng lớn ngoài	07 ngày từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			hợp đồng phải báo cáo Bên A để xem xét xử lý.	
5.9	Hầm đường bộ	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.7 của TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Đảm bảo mặt đường sạch, thoát nước và đảm bảo chiếu sáng đảm bảo an toàn giao thông. b) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, xử lý các hư hỏng nhỏ và theo dõi, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.	05 ngày từ khi phát hiện.
5.10	Trung tâm quản lý điều hành giao thông trên đường cao tốc (trung tâm ITS)	Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng trong giai đoạn khai thác đáp ứng quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10851:2015 “Trung tâm quản lý điều hành giao thông đường cao tốc”.	Hoạt động bình thường đảm bảo các nội dung theo quy định về yêu cầu kỹ thuật chất lượng.	a) Đối với các hạng mục công trình xây dựng gồm nhà, hệ thống cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và các công trình xây dựng khác: thời gian thực hiện bảo dưỡng không quá 07 ngày từ khi có hư hỏng, xuống cấp thuộc phạm vi công tác bảo dưỡng. b) Đối với thiết bị cấp điện (nguồn, dây dẫn, biến áp, lưu điện và các thiết bị điện lực khác), thiết bị quay phim, ghi hình, các thiết bị quang học, hệ thống

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
				máy tính, tin học: hư hỏng dây dẫn khắc phục không quá 12 tiếng; hư hỏng nhỏ các thiết bị còn lại, thời gian khắc phục không quá 24 tiếng. c) Trường hợp xảy ra sự cố, hư hỏng nằm ngoài phạm vi trên, thời gian báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý không quá 02 giờ.
5.11	Hệ thống giám sát, điều hành giao thông trên đường cao tốc	Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng đáp ứng quy định trong giai đoạn khai thác tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10850:2015 Hệ thống giám sát, điều hành giao thông trên đường cao tốc.	Hoạt động bình thường đảm bảo các nội dung theo quy định về yêu cầu kỹ thuật chất lượng.	a) Đối với các hạng mục công trình xây dựng gồm nhà, phòng cháy chữa cháy và các công trình xây dựng khác: thời gian thực hiện bảo dưỡng không quá 07 ngày từ khi có hư hỏng, xuống cấp thuộc phạm vi công tác bảo dưỡng. b) Đối với thiết bị cấp điện (nguồn, dây dẫn, biến áp, lưu điện và các thiết bị điện lực khác), thiết bị quay phim, ghi hình, các thiết bị quang

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
				học, hệ thống máy tính, tin học: hư hỏng dây dẫn khắc phục không quá 12 tiếng; hư hỏng nhỏ các thiết bị còn lại, thời gian khắc phục không quá 24 tiếng. c) Trường hợp xảy ra sự cố, hư hỏng nằm ngoài phạm vi trên, thời gian báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý không quá 02 giờ.
5.12	Biển báo giao thông điện tử trên đường cao tốc	Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng trong giai đoạn khai thác đáp ứng quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10852:2015 “Biển báo giao thông điện tử trên đường cao tốc - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử”.	a) Hoạt động bình thường, liên tục, sạch, cung cấp các thông tin theo quy định về yêu cầu kỹ thuật chất lượng. b) Thông tin phải được hiển thị rõ ràng, dễ quan sát, không được nhấp nháy, các chữ hiển thị phải cùng một lúc. c) Đảm bảo độ sáng trong điều kiện ánh sáng ban ngày và ban đêm. d) Cập nhật thông tin trong vòng 03s (giây) khi có yêu cầu	a) Biển báo không hoạt động được thì thời gian thực hiện công tác bảo dưỡng khắc phục không quá 12 giờ (trừ khi mưa, bão hoặc sự cố công trình). b) Trường hợp xảy ra sự cố, hư hỏng lớn, thời gian báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý không quá 02 giờ.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			thay đổi thông tin hiển thị.	
5.13	Hệ thống thông tin liên lạc trên đường cao tốc	Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng đáp ứng quy định trong giai đoạn khai thác tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12191:2018 “Hệ thống thông tin liên lạc trên đường cao tốc”.	a) Hoạt động bình thường, đảm bảo tính kết nối được liên tục, không bị gián đoạn theo quy định về yêu cầu kỹ thuật chất lượng. b) Hệ thống điện thoại khẩn cấp tiếp nhận các thông báo về tai nạn, sự cố phương tiện và công trình trên đường cao tốc từ các cá nhân và tổ chức, hoạt động 24/24h. c) Biển chỉ dẫn số điện thoại khẩn cấp dọc tuyến cao tốc phải rõ ràng đầy đủ các số điện thoại khẩn cấp, không bị che khuất. d) Thông tin phải được ghi đầy đủ trong sổ nhật ký.	a) Hệ thống không hoạt động được thì thời gian thực hiện công tác bảo dưỡng khắc phục không quá 12 giờ. b) Trường hợp xảy ra sự cố, hư hỏng lớn, thời gian báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý không quá 02 giờ.

PHỤ LỤC SỐ VIII
QUY ĐỊNH VỀ GIÁM SÁT, NGHIỆM THU, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ,
KHẤU TRỪ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG BẢO DƯỠNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ
TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THEO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải)*

I. Quy định về giám sát

1. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm tổ chức việc giám sát, nghiệm thu hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện của nhà thầu, cụ thể:

a) Trường hợp có đủ biên chế và năng lực thực hiện nhiệm vụ giám sát, cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có thể trực tiếp thực hiện việc giám sát kết quả thực hiện hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện;

b) Trường hợp không có đủ biên chế và năng lực thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện của nhà thầu, cơ quan được giao quản lý tài sản có thể giao Ban Quản lý dự án có đủ năng lực để tổ chức thực hiện hoạt động giám sát. Chi phí giám sát việc thực hiện bảo dưỡng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

c) Tổ chức thực hiện giám sát phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và có đủ nhân sự thực hiện giám sát tại công trường phù hợp với quy mô, yêu cầu của hoạt động bảo trì thực hiện giám sát.

2. Nội dung giám sát

a) Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đại diện của cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Ban Quản lý dự án bảo trì), người thực hiện nhiệm vụ giám sát cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện.

b) Kiểm tra đối chiếu nhân lực, thiết bị thi công, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu bảo trì trên thực tế với các quy định trong hồ sơ mời thầu, dự thầu, hợp đồng bảo trì đã ký.

c) Giám sát chất lượng thực hiện hoạt động bảo dưỡng tài sản của nhà thầu theo các tiêu chí chất lượng quy định trong hợp đồng, phát hiện các tồn tại về chất lượng thực

hiện; lập biên bản hoặc có văn bản thông báo với đại diện nhà thầu yêu cầu khắc phục các tồn tại theo quy định; hết thời hạn khắc phục cho phép, tổ chức kiểm tra việc khắc phục của nhà thầu.

d) Định kỳ tối thiểu 01 tuần, giám sát phải kiểm tra kết quả thực hiện của nhà thầu (bao gồm cả công tác quản lý và bảo dưỡng); kiểm tra đột xuất. Tạm dừng thi công đối với nhà thầu bảo trì khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định.

đ) Báo cáo kịp thời cơ quan được giao quản lý tài sản các tồn tại vướng mắc ngoài thẩm quyền, kiến nghị giải pháp xử lý để đảm bảo chất lượng thực hiện.

e) Hàng tháng, trước ngày nghiệm thu kết quả thực hiện ít nhất 02 ngày, trên cơ sở kết quả nghiệm thu đánh giá nội bộ của nhà thầu, kết quả kiểm tra nội nghiệp và hiện trường; người thực hiện nhiệm vụ giám sát đánh giá kết quả thực hiện đối với từng tiêu chí chất lượng của từng hạng mục công việc trong tháng, đề xuất mức điểm đạt được đối với kết quả thực hiện của nhà thầu, các tồn tại, bất cập cần chấn chỉnh, báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan được giao quản lý tài sản hoặc đại diện cơ quan được giao quản lý tài sản xem xét, quyết định.

g) Phát hiện các sai sót bất cập trong quá trình triển khai thực hiện cũng như quy định hợp đồng, kiến nghị cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức điều chỉnh hợp đồng.

h) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của hợp đồng bảo trì.

II. Quy định về nghiệm thu

1. Việc nghiệm thu chất lượng thực hiện hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện từng tháng; việc thanh toán thực hiện theo từng tháng hoặc quý và được quy định trong hợp đồng.

2. Các bên tham gia kiểm tra nghiệm thu gồm: đại diện cơ quan được giao quản lý tài sản (gọi chung là Bên A) có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với nhà thầu thực hiện hợp đồng bảo dưỡng đường bộ (Bên B) để tiến hành kiểm tra khi nghiệm thu. Bên A có thể mời thêm thành phần khác tham gia kiểm tra khi tiến hành nghiệm thu.

a) Cơ cấu tham gia nghiệm thu gồm Bên A và tư vấn giám sát (trường hợp Bên A có thuê tư vấn giám sát) chiếm không ít hơn 2/3 số thành viên tham gia nghiệm thu, còn lại là đại diện Bên B. Đối với trường hợp có tư vấn giám sát thì Bên A phải có không ít hơn 20% số người tham gia nghiệm thu và có ít nhất một người tham gia nghiệm thu.

b) Các thành viên tham gia nghiệm thu có trách nhiệm chấm điểm đánh giá kết quả thực hiện của nhà thầu trong kỳ nghiệm thu. Điểm đánh giá trong tháng là điểm trung bình cộng của các thành viên tham gia nghiệm thu.

c) Người tham gia nghiệm thu chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thực hiện công việc của mình.

3. Kết quả nghiệm thu được lập thành biên bản và là căn cứ để thanh toán cho nhà thầu bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

4. Việc đánh giá kết quả thực hiện của nhà thầu được xem xét trên cơ sở:

a) Báo cáo kết quả thực hiện của nhà thầu, biên bản nghiệm thu, bảng chấm điểm nội bộ của nhà thầu;

b) Báo cáo, đánh giá nhận xét, bảng chấm điểm, ý kiến đề xuất của giám sát đối với kết quả thực hiện của nhà thầu trong tháng;

c) Kết quả kiểm tra nội nghiệp (hồ sơ quản lý bảo trì, hồ sơ đăng ký cầu đường, nhật ký tuần đường, hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ và các tài liệu khác), kiểm tra hiện trường.

5. Đối với các tồn tại được xác định khi kiểm tra nghiệm thu, ngoài việc bị khấu trừ kinh phí theo quy định tại Mục IV của Phụ lục này, nhà thầu bảo dưỡng có trách nhiệm tổ chức khắc phục ngay các tồn tại với thời hạn tối đa không quá 10 ngày kể từ khi kiểm tra nghiệm thu. Người thực hiện nhiệm vụ giám sát của cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận kết quả khắc phục tồn tại của nhà thầu thực hiện công tác bảo dưỡng bằng biên bản; biên bản này là tài liệu để xem xét kết quả nghiệm thu tháng tiếp theo cho nhà thầu.

6. Số tiền thanh toán 1 kỳ (tháng hoặc quý):

a) Đối với trường hợp không bị khấu trừ quy định tại Mục IV của Phụ lục này, thì được thanh toán 100% giá trị dự toán của kỳ theo hợp đồng.

b) Trường hợp thanh toán theo tháng: số tiền thanh toán trong tháng bằng 1/12 giá trị hợp đồng trong 01 năm hoặc bằng 01 tháng chia cho số tháng trong thời hạn hợp đồng, sau đó nhân giá trị hợp đồng.

Trường hợp thanh toán vào các tháng mà trong hợp đồng có quy định thanh toán cả chi phí trượt giá thì được bổ sung chi phí trượt giá vào tháng thanh toán.

c) Trường hợp số điểm đạt trên 50% khung điểm, đồng thời bị khấu trừ chi phí thanh toán: số tiền thanh toán trong tháng bằng số tiền quy định tại điểm a khoản này trừ số

tiền bị giảm trừ. Số tiền giảm trừ xác định theo quy định tại khoản 3 Mục IV của Phụ lục này.

d) Trường hợp thanh toán theo quý, thì cộng giá trị được thanh toán các tháng trong quý đó.

7. Căn cứ đặc điểm gói thầu, công trình và quy định tại Thông tư này, cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm quy định việc đánh giá chất lượng, điểm, phương pháp chấm điểm, giám sát, nghiệm thu và thanh toán trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu khi tiến hành lựa chọn nhà thầu và quy định trong hợp đồng để làm cơ sở cho các bên triển khai thực hiện.

III. Hướng dẫn phương pháp đánh giá chất lượng thực hiện

1. Việc đánh giá kết quả việc thực hiện bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện được thực hiện theo phương pháp chấm điểm. Khung điểm để lựa chọn đánh giá là 100 điểm (trường hợp có nhiều công việc đánh giá có thể lựa chọn khung điểm để đánh giá là 1.000 điểm) cho tất cả công việc bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong một hợp đồng, một gói thầu.

2. Nguyên tắc phân bổ điểm của mỗi công việc bảo dưỡng trong khung điểm thực hiện theo một trong các phương pháp sau:

a) Phương pháp xác định điểm theo giá trị dự toán chi phí bảo dưỡng được duyệt để xác định điểm cho từng công việc đối với gói thầu áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện:

Theo phương pháp này, điểm của mỗi công việc bằng 100 điểm (nếu áp dụng khung điểm 1.000 thì thay 100 điểm bằng 1.000 điểm) nhân với tỷ số giữa giá trị công việc chia cho giá trị dự toán của gói thầu, cụ thể được xác định như sau:

$$N_i = 100 \times (D_i / TD)$$

Trong đó:

- N_i là điểm số công việc thứ i ($i = 1 - n$, n là tổng số công việc thuộc gói thầu);
- D_i là dự toán công việc thứ i ;
- TD là tổng dự toán gói thầu được duyệt của các hạng mục, công việc trong gói thầu áp dụng bảo trì theo chất lượng.

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp các hạng mục công việc thuộc gói thầu (hợp đồng) không cần ưu tiên: như các gói thầu bảo dưỡng các tuyến đường cấp thấp (đường cấp V, cấp VI theo TCVN 4054:2005 hoặc cấp thấp hơn), đường do địa

phương quản lý hoặc đường khác mà số điểm của các công việc phù hợp với tính chất của công việc.

Ví dụ 1: xác định điểm các công việc bảo dưỡng của gói thầu bảo dưỡng đường bộ cấp VI có giá trị dự toán duyệt là 500 triệu đồng, trong đó có 4 công việc sau: công việc vá ổ gà giá trị trong dự toán là 200 triệu đồng; công việc bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn là 100 triệu đồng; công tác nạo vét cống rãnh thoát nước có giá trị bằng 100 triệu đồng; công tác cắt cỏ giá trị dự toán là 100 triệu đồng. Xác định điểm của từng công việc bảo dưỡng trên trong trường hợp không đặt ra ưu tiên đối với các công việc.

Dự toán gói thầu (TD) = (200 + 100 + 100 + 100) tr = 500 triệu.

Căn cứ phương pháp xác định điểm tại điểm a, khoản 2, Mục III Phụ lục này xác định điểm của từng hạng mục như sau:

Điểm của hạng mục vá ổ gà = 100 điểm x (200 tr/500 tr) = 40 điểm.

Điểm của hạng mục bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn = 100 điểm x (100 tr/500 tr) = 20 điểm.

Điểm của hạng mục nạo vét công rãnh = 100 điểm x (100 tr/500 tr) = 20 điểm.

Điểm của hạng mục cắt cỏ = 100 điểm x (100 tr/500 tr) = 20 điểm.

(Tổng điểm 4 hạng mục thuộc gói thầu = 40 + 20 + 20 + 20 = 100 điểm).

b) Phương pháp xác định điểm có ưu tiên đối với gói thầu áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện:

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp cần ưu tiên điểm cho một số công việc quan trọng so với các công việc khác thuộc gói thầu, thì căn cứ tính chất quan trọng của các công việc bảo trì để xác định mức điểm cho từng công việc. Các công việc quan trọng được ưu tiên có số điểm cao. Trường hợp này được áp dụng đối với các công trình đường bộ ngoài phạm vi quy định tại điểm a khoản 2 Mục III của Phụ lục này. Trong trường hợp này căn cứ tất cả các công việc bảo dưỡng và hệ số phản ánh mức độ ưu tiên của hạng mục để xác định như sau:

Bước 1. Xác định các công việc ưu tiên, mức ưu tiên và công việc không ưu tiên

- Các công việc ưu tiên thứ nhất gồm bảo dưỡng vá ổ gà, trám vá vết nứt, xử lý lún lõm mặt đường, hệ thống quản lý giám sát, điều hành đường cao tốc, bảo dưỡng sửa chữa mặt cầu, khe co giãn, vệ sinh hầm, thiết bị trong hầm, gọi là A_i và được ưu tiên thực hiện có hệ số K_{ai} từ 1,5 đến 2. Giá trị dự toán hạng mục này là D_{ai} .

- Các công việc cần ưu tiên thứ hai gồm nạo vét, khơi thông cống, rãnh thoát nước, bảo dưỡng hệ thống an toàn giao thông, sửa chữa lề đường, nền đường, phát hiện xử lý vi phạm hành lang, đấu nối trái phép gọi là B_i có hệ số K_{bi} từ 1,25 đến 1,5. Giá trị dự toán hạng mục này là D_{bi} .

- Tuàn đường, cắt cỏ và các công việc còn lại gọi là C_i có hệ số $K_{ci} = 1$. Giá trị dự toán hạng mục này là D_{Ci} .

Hệ số K_{ai} , K_{bi} , K_{ci} do người có thẩm quyền duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ đặt hàng quyết định trên cơ sở tính chất quan trọng của gói thầu và các công việc thuộc gói thầu.

Bước 2. Xác định điểm của công việc ưu tiên, mức ưu tiên và công việc không ưu tiên

- Điểm của công việc $A_i = 100 \text{ điểm} \times (K_{ai} \times D_{Ai} / TL)$

- Điểm của công việc $B_i = 100 \text{ điểm} \times (K_{bi} \times D_{Bi} / TL)$

- Điểm của công việc $C_i = 100 \text{ điểm} \times (D_{Ci} / TL)$

Trong đó, TL xác định như sau:

$$TL = (K_{ai} \times \sum D_{Ai} + K_{bi} \times \sum D_{Bi} + K_{ci} \times \sum D_{Ci}).$$

Ví dụ 2: xác định điểm các công việc trong gói thầu bảo dưỡng của tuyến đường cấp II theo TCVN 4054 :2005. Giá trị dự toán duyệt là 500 triệu đồng, trong đó có 4 công việc sau: công việc vá ổ gà giá trị trong dự toán là 200 triệu đồng; công việc bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn là 100 triệu đồng; công tác nạo vét cống rãnh thoát nước có giá trị bằng 100 triệu đồng; công tác cắt cỏ giá trị dự toán là 100 triệu đồng.

Xác định điểm của từng công việc bảo dưỡng, khi công việc vá ổ gà được ưu tiên hệ số $K_{ai} = 2$; công việc bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn có $K_{ai} = 2$; công tác nạo vét cống rãnh thoát nước có $K_{bi} = 1,5$; công tác cắt cỏ hệ số $K_{ci} = 1$.

Căn cứ phương pháp xác định điểm tại điểm b, khoản 2, Mục III của Phụ lục này việc xác định điểm của từng hạng mục như sau:

$TL = (2 \times \sum D_{Ai} + 1,5 \times \sum D_{Bi} + \sum D_{Ci})$. Thay giá dự toán các công việc vào công thức, có:

$$TL = 2 \times 200 + 2 \times 100 + 1,5 \times 100 + 1 \times 100 = 850.$$

Xác định điểm của từng hạng mục theo phương pháp tại điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục này:

$$\text{Điểm hạng mục vá ổ gà} = 100 \text{ điểm} \times (2 \times 200/850) = 47 \text{ điểm}.$$

Điểm hạng mục bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn = $100 \text{ điểm} \times (2 \times 100/850) = 23,5 \text{ điểm}$.

Điểm hạng mục nạo vét cống rãnh = $100 \text{ điểm} \times (1,5 \times 100/850) = 17,65 \text{ điểm}$.

Điểm hạng mục cắt cỏ = $100 \text{ điểm} \times (1 \times 100/850) = 11,85 \text{ điểm}$.

(Tổng điểm 4 hạng mục của gói thầu = $47 + 23,5 + 17,65 + 11,85 = 100 \text{ điểm}$).

c) Trường hợp gói thầu kết hợp hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện và bảo trì theo khối lượng thực tế thì chỉ xác định điểm để đánh giá và phân giá trị gói thầu của các công việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện theo 2 phương pháp nêu trên.

Ví dụ 3: gói thầu bảo dưỡng 50 km đường cấp V, mặt đường láng nhựa đã khai thác 11 năm quá thời hạn khai thác theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế và quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT. Dự toán chi phí quản lý bảo dưỡng cả gói thầu là 4 tỷ đồng, trong đó: giá trị phần dự toán công tác bảo dưỡng mặt đường là 1,5 tỷ đồng; dự toán bảo dưỡng các nhóm công việc như sau: nhóm bảo dưỡng cầu là 500 triệu, dự toán các công việc bảo dưỡng lề 250 triệu đồng; bảo dưỡng rãnh, cống thoát nước 500 triệu, bảo dưỡng nền đường 250 triệu; bảo dưỡng hệ thống an toàn giao thông 500 triệu; công tác quản lý và tuần đường 250 triệu; cắt cỏ, phát quang 250 triệu.

Gói thầu này được cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức bảo trì theo khối lượng đối với công tác bảo dưỡng mặt đường do quá thời hạn khai thác nhưng chưa được sửa chữa định kỳ hoặc cải tạo nâng cấp mặt đường; các hạng mục còn lại áp dụng bảo dưỡng theo chất lượng. Xác định điểm của nhóm công việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng.

Bước 1: xác định tổng giá trị dự toán các hạng mục bảo trì theo chất lượng là: 4 tỷ - 1,5 tỷ = 2,5 tỷ.

Bước 2: xác định tỷ số giá trị dự toán từng nhóm công việc so với tổng giá trị dự toán tất cả các công việc bảo trì theo chất lượng thực hiện và điểm của từng hạng mục.

- Tỷ số dự toán hạng mục/tổng dự toán các hạng mục = $Di/(TD) = \text{Dự toán hạng mục}/2,5 \text{ tỷ}$.

- Tuyến đường cấp V nên không có hạng mục công việc cần ưu tiên, do đó điểm các hạng mục được tính như sau:

Điểm của hạng mục $Ni = 100 \times Di/TD = 100 \times Di/2,5 \text{ tỷ}$

TT	Nhóm các hạng mục công việc	Dự toán nhóm việc (tỷ đồng)	Giá trị dự toán/Giá trị dự toán	Điểm của các nhóm
1	Bảo dưỡng cầu	0,50	0,2	20
2	Bảo dưỡng lề	0,25	0,1	10
3	Bảo dưỡng rãnh, cống thoát nước	0,50	0,2	20
4	Bảo dưỡng nền đường	0,25	0,1	10
5	Bảo dưỡng hệ thống an toàn giao thông	0,50	0,2	20
6	Các việc quản lý và tuần đường	0,25	0,1	10
7	Nhóm việc cắt cỏ, phát quang.	0,25	0,1	10

Trong trường hợp yêu cầu tính từng công việc cụ thể trong một nhóm công tác bảo dưỡng cũng áp dụng cách xác định như trên để xác định.

d) Trường hợp một số tiêu chí cần thực hiện thuộc công tác quản lý nhưng không được bố trí kinh phí để thực hiện riêng hạng mục đó (như tiêu chí A là “*Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình*”, tiêu chí B là “*Đảm bảo trật tự an toàn giao thông*”); trường hợp này điểm của tiêu chí được xác định bằng điểm của tiêu chí tương tự (tiêu chí A bằng điểm của tiêu chí “*Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường*”, tiêu chí B bằng điểm của tiêu chí “*Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đầu nối*” hoặc tiêu chí “*Trực bảo lự*”).

Ví dụ 4: điểm của tiêu chí A xác định bằng điểm của tiêu chí “*Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường*”; trong trường hợp này, khi xác định điểm của tất cả các tiêu chí thì số điểm của tiêu chí “*Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường*” được nhân 2; sau đó chia 2 để xác định điểm cụ thể của 2 tiêu chí này. Tương tự để xác định điểm của tiêu chí B “*Đảm bảo trật tự an toàn giao thông*” có thể xác định bằng điểm của tiêu chí “*Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đầu nối*” hoặc tiêu chí “*Trực bảo lự*” theo phương pháp này.

đ) Trường hợp hạng mục công việc có bố trí kinh phí nhưng không có tiêu chí riêng như công tác đăng ký đường, công tác này nằm trong tiêu chí “*Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình*”, thì kinh phí để

thực hiện công tác này được dùng để xác định điểm của tiêu chí “*Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình*”.

3. Hướng dẫn chấm điểm theo kết quả thực hiện

3.1. Cơ quan được giao quản lý tài sản đường bộ có trách nhiệm quy định cụ thể việc chấm điểm trong các hồ sơ để lựa chọn nhà thầu, đặt hàng và trong hợp đồng. Việc xây dựng cách chấm điểm phải căn cứ vào Mục I, Mục II của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, tính chất và các yêu cầu đối với công việc thuộc gói thầu, yêu cầu của từng tiêu chí trong Mục I, Mục II của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3.2. Hướng dẫn xây dựng cách chấm điểm: được thực hiện trên cơ sở đánh giá đối với từng tiêu chí chất lượng cụ thể theo nguyên tắc sau:

a) Đối với công tác quản lý, việc đánh giá điểm của từng tiêu chí được xác định theo các mức độ sau:

- Nhà thầu không thực hiện: không cung cấp các tài liệu chứng minh kết quả thực hiện tiêu chí, số điểm chấm là 0 điểm;

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra từ 03 lỗi trở lên trong các lỗi thì được không quá 25% điểm của tiêu chí. Các lỗi được xác định dựa trên các lỗi của nhà thầu không đáp ứng mức độ yêu cầu, thời gian khắc phục cho phép trong tiêu chí chất lượng của hạng mục công việc, ví dụ: không có hồ sơ quản lý; không kiểm tra; không phát hiện kịp thời các phát sinh, biến động tài sản và tình hình hư hỏng, xuống cấp; không cập nhật diễn biến phát sinh trình trạng công trình; không báo cáo theo quy định; không xử lý tồn tại;

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra 02 lỗi trong các lỗi trên thì số điểm chấm không quá 50% số điểm tối đa của tiêu chí;

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra 01 lỗi trong các lỗi trên thì số điểm chấm là 75% số điểm tối đa của tiêu chí;

- Nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu chất lượng: số điểm chấm là 100% số điểm tối đa của tiêu chí.

b) Đối với công tác bảo dưỡng, việc đánh giá điểm của tiêu chí được xác định theo các mức độ sau:

- Nhà thầu không thực hiện: số điểm chấm là 0 điểm;

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra từ 03 lỗi trở lên trong các lỗi ở phần sau thì đánh giá tối đa 25% số điểm của tiêu chí. Các lỗi được xác định dựa trên các lỗi của

nhà thầu không đáp ứng mức độ yêu cầu, thời gian khắc phục cho phép trong tiêu chí chất lượng của từng hạng mục công việc, ví dụ xác định điểm công tác bảo dưỡng thứ i trong kỳ nghiệm thu xác định trên các lỗi:

+ Bảo dưỡng không đầy đủ, vẫn còn tồn tại không đáp ứng mức độ yêu cầu của tiêu chí chưa được xử lý;

+ Bảo dưỡng một số vị trí, bộ phận chưa đúng yêu cầu kỹ thuật chất lượng;

+ Bảo dưỡng không đáp ứng thời gian khắc phục cho phép (trừ trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai, bão, động động và bất khả kháng khác mà bảo dưỡng không kịp thời);

+ Không báo cáo, ghi chép và thực hiện các nội dung có liên quan đến bảo dưỡng theo quy định;

+ Không thực hiện hoặc thực hiện nhưng còn nhiều tồn tại đối các quy định khác liên quan đến công tác bảo dưỡng đang xem xét;

+ Không thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và các quy định khác khi thực hiện hoạt động bảo dưỡng trong hợp đồng.

- Có thực hiện nhưng để xảy ra 02 lỗi trong các lỗi trên: số điểm chấm là 50% số điểm tối đa của tiêu chí;

- Có thực hiện nhưng để xảy ra 01 lỗi trong các lỗi trên: số điểm chấm là 75% số điểm tối đa của tiêu chí;

- Đáp ứng yêu cầu: thực hiện đầy đủ các yêu cầu chất lượng, số điểm chấm là 100% số điểm tối đa của tiêu chí.

c) Việc xác định lỗi của tiêu chí có thể được xác định trên toàn bộ gói thầu hoặc trên một đoạn tuyến tùy theo tính chất công việc nhưng chiều dài xem xét không nhỏ hơn 10 km. Ví dụ đối với công tác quản lý được xem xét trên toàn bộ gói thầu, đối với công tác bảo dưỡng như bảo dưỡng mặt đường có thể được phân loại theo kết cấu mặt đường, tình trạng khai thác, điều kiện tự nhiên - xã hội của từng đoạn tuyến để phân đoạn đánh giá điểm, nhưng chiều dài của đoạn tuyến để xác định lỗi không nhỏ hơn 10 km.

4. Đối với tài sản hạ tầng giao thông đường bộ là các công trình có quy trình quản lý, vận hành khai thác và bảo trì riêng (hầm hoặc cầu lớn) cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ có trách nhiệm xây dựng các tiêu chí yêu cầu về chất lượng đối với các hạng mục có trong quy trình riêng của công trình đó nhưng chưa có trong Mục I, Mục II của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp trong quy trình riêng của công trình có yêu cầu cao hơn (về kỹ thuật, chất lượng, về tính kịp thời và các yêu cầu khác) so với quy định tại Mục I, Mục II của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này thì không được đưa ra yêu cầu thấp hơn quy trình trong hồ sơ lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và quá trình thực hiện.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là các công trình đường bộ thuộc hệ thống đường do chính quyền địa phương quản lý nhưng chưa được đầu tư xây dựng theo cấp quy định trong hệ thống tiêu chuẩn thiết kế, công trình đường bộ đã hư hỏng xuống cấp nhưng chưa được sửa chữa khôi phục lại theo thiết kế, cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quyết định áp dụng một phần hoặc toàn bộ các quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này khi xây dựng tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản theo chất lượng thực hiện.

IV. Quy định về khấu trừ kinh phí

1. Tổng điểm các tiêu chí nghiệm thu của kỳ nghiệm thu theo tháng đạt từ 50 điểm trên toàn bộ 100 điểm là đạt mức trung bình trở lên thì được thanh toán trên cơ sở số điểm đạt được so với tổng số điểm. Trường hợp tổng điểm trong kỳ nghiệm thu đạt dưới 50 điểm thì không được thanh toán.

Trường hợp áp dụng khung điểm 1000 thì số điểm để được thanh toán phải đạt trên 500 điểm.

2. Tỷ lệ tiền được thanh toán của tháng (viết tắt là *TTL*) được xác định bằng tổng số điểm đạt được chia cho số điểm của khung 100 hoặc 1000.

Trường hợp nghiệm thu theo từng tháng thứ 1, 2 và 3 trong một quý và thanh toán theo quý thì *TTL* của quý bằng trung bình cộng của *TTL* từng tháng.

$$TTL \text{ quý} = (TTL1 + TTL2 + TTL3)/3.$$

3. Trường hợp trong tháng nhà thầu kết quả đánh giá không dưới 50% khung điểm thì tỷ lệ giá trị thanh toán cho nhà thầu là $TTL = \% \text{ số điểm đạt được}$. Tỷ lệ giảm trừ bằng $(1 - TTL) \times 100\%./$.

PHỤ LỤC IX

THỜI GIAN SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /20 /TT-BGTVT ngày tháng năm 20 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Thời gian sửa chữa định kỳ kết cấu áo đường bao gồm sửa chữa vừa (trung tu) và sửa chữa lớn (đại tu) được xác định theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế (có xem xét đến sự suy giảm cường độ theo thời gian, do vật liệu bị mỏi dưới tác động của tải trọng trùng phục); hoặc theo quy trình bảo trì; hoặc được xác định trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá tình trạng hư hỏng, xuống cấp mặt đường; hoặc sử dụng kết quả khảo sát kết hợp dữ liệu tính toán để xác định thời hạn cần sửa chữa định kỳ. Khi thực hiện sửa chữa định kỳ phải khảo sát, lập dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình, lập thiết kế, dự toán và thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về giá và pháp luật có liên quan.

2. Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

Trường hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế công trình chưa quy định thời hạn sửa chữa định kỳ, thì có thể sử dụng số liệu trong bảng dưới đây để tính toán so sánh về kinh tế - kỹ thuật khi lập dự án, xác định thời hạn sửa chữa định kỳ và kinh phí bảo trì trong phương án tài chính của dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ và quản lý khai thác theo hình thức đối tác công tư:

Loại tầng mặt áo đường (trên nền, móng đường; trên mặt cầu, đỉnh cống và trong hầm)	Khoảng thời gian tính theo năm	
	Sửa chữa lớn	Sửa chữa vừa
Bê tông nhựa	15	5
Đá dăm trộn nhựa	12	4
Thấm nhập nhựa và láng nhựa	10	4
Đá dăm	5	3
Cấp phối	5	3
Bê tông xi măng	25	8

Không áp dụng quy định về thời hạn sử dụng tại bảng này đối với trường hợp hạng mục mặt đường, lề đường có gia cố đã xuống cấp, hư hỏng nhưng mới chỉ sửa chữa cục bộ để đảm bảo an toàn giao thông; trong trường hợp này, chủ sở hữu, người

quản lý sử dụng công trình phải xem xét điều kiện an toàn, nếu cần phải điều chỉnh tốc độ, tải trọng phương tiện giao thông, để bảo đảm an toàn cho giao thông trong thời gian chờ bố trí đủ nguồn vốn để thực hiện sửa chữa, thay thế toàn bộ bề mặt công trình.

3. Trong quá trình khai thác

a) Thời hạn sửa chữa định kỳ được nêu trong bảng của mục 2 Phụ lục này sẽ được xem xét thay đổi khi tải trọng, lưu lượng khai thác khác với thiết kế, công trình chịu tác động của các nguyên nhân bất khả kháng và các nguyên nhân khách quan khác.

b) Khi thực hiện bảo trì công trình đường bộ đầu tư xây dựng và quản lý khai thác theo phương thức đối tác công tư, nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp dự án phải lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo trì theo quy định *tại Điều ... Thông tư này*; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán chi phí sửa chữa định kỳ, dự toán bảo dưỡng thường xuyên bảo đảm không vượt giá trị quy định trong hợp đồng và phải tổ chức quản lý chi phí đúng quy định của nhà nước. Trường hợp vượt giá trị trong hợp đồng hoặc vượt giá trị được xác định theo bảng trên, phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận theo quy định tại khoản *tại Điều ... Thông tư này* Thông tư này.

c) Trường hợp công trình hư hỏng xuống cấp không bảo đảm an toàn cho khai thác sử dụng trước khi đến thời hạn sửa chữa định kỳ, các chủ thể liên quan quá trình vận hành khai thác bảo trì công trình đường bộ phải tổ chức kiểm tra, khảo sát đánh giá và kiểm định (nếu cần) để xác định nguyên nhân và đề xuất biện pháp khắc phục kịp thời.

PHỤ LỤC X
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ PHẢI QUAN TRẮC TRONG QUÁ TRÌNH KHAI
THÁC, SỬ DỤNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /20 /TT-BGTVT ngày tháng .. năm 20..
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

TT	Loại công trình		Cấp công trình ⁽¹⁾
1	Công trình khi xảy ra sự cố có thể dẫn tới thảm họa		
2	Công trình đường bộ ngoài đô thị	Cầu đường bộ	Cấp đặc biệt, cấp I
		Cầu đường bộ có kết cấu nhịp dây văng, dây võng	Cấp đặc biệt, cấp I và cấp II
		Hầm đường bộ	Cấp đặc biệt, cấp I
		Hầm đường bộ vượt biển, sông	Cấp đặc biệt, cấp I và cấp II
3	Công trình có dấu hiệu lún, nghiêng, nứt và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập đổ, mất an toàn trong quá trình khai thác sử dụng		
4	Theo yêu cầu của Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng		

Ghi chú: Cấp công trình xác định theo quy định của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng.

PHỤ LỤC XI
DANH MỤC CÔNG TRÌNH PHẢI ĐƯỢC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN XEM XÉT
VÀ THÔNG BÁO Ý KIẾN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CÔNG TRÌNH

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /20 /TT-BGTVT ngày tháng .. năm 20..
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

STT	Công trình	Cấp công trình
1.	Đường ô tô cao tốc	Các cấp
2.	Đường ô tô	Cấp I trở lên
3.	Cầu đường bộ, cầu phao đường bộ và nút giao thông khác mức	Cấp II trở lên
4.	Hầm đường bộ	Cấp II trở lên

Ghi chú: Cấp công trình tại bảng trong Phụ lục này xác định theo Thông tư quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.

PHỤ LỤC XII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM
VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../20.../TT-BGTVT ngày ... tháng năm 20... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**
 (2) **NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm 201...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH CÔNG TRÌNH
TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ
Cấp phép thi công (...3...)

Kính gửi: (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5..);

(...2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu VT.

(...2....)
**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI
KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

PHỤ LỤC XIII
MẪU GIẤY PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM VI BẢO VỆ
KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CẤP PHÉP

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 201...

GIẤY PHÉP
THI CÔNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ
TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Công trình:(1).....

Lý trình:..... Quốc lộ.....

- Căn cứ Thông tư số ... /TT-BGTVT ngàytháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ- CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ văn bản số: /..... ngày.... /..... /200...của (2) chấp thuận thiết kế công trình...(1)...;

- Căn cứ Đơn đề nghị cấp phép thi công của.....(3)..... (5) và hồ sơ thiết kế, tổ chức thi công được duyệt.

1. Cấp cho:..(3)

- Địa chỉ

- Điện thoại

-

2. Được phép thi công công trình:...(1)... trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng công trình giao thông đường bộ từ lý trình. Km đến KmQuốc lộ..., theo hồ sơ thiết kế và tổ chức thi công được duyệt theo Quyết định số: .../.... ngày.... /...../200.. của (4)...., gồm các nội dung chính như sau:

a).....
;

- b).....
.....;
- c).....
.....;
- d)
.....;

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

- Mang giấy này đến đơn vị quản lý đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông khi thi công trên đất dành cho đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng hiện trường, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý đường bộ, Chi cục Quản lý đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng, hiện trường cho đơn vị quản lý đường bộ;

- (các nội dung khác nếu cần thiết)
.....

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày ../ ../201 ...đến ngày ../...../201....

Quá thời hạn quy định phải đề nghị cấp gia hạn./.

Nơi nhận:

-
- Cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp phép (để t/h);
- Cơ quan, tổ chức khác (nếu cần)
- Lưu VT.

(...2....)
**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong mẫu Giấy phép thi công:

- (1): Ghi tên dự án, công trình cấp giấy phép thi công.
- (2): Ghi tên cơ quan thẩm quyền chấp thuận thiết kế (Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải).
- (3): Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công.
- (4): Chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực phê duyệt thiết kế).
- (5): Cam kết tự di dời và không đòi bồi thường của chủ đầu tư công trình thiết yếu, biển quảng cáo, nút giao đầu nối./.

Ghi chú: Trên đây là các nội dung chính của mẫu Giấy phép thi công. Các Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải căn cứ từng công trình cụ thể để quy định nội dung giấy phép thi công cho phù hợp./.

PHỤ LỤC XIV

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT
GIAO, ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO **ĐƯỜNG CHÍNH**;
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI HẠN CHẤP THUẬN THIẾT KẾ
NÚT GIAO ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG CHÍNH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số /20 /TT-BGTVT ngày tháng năm 20...)

**1. MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ NÚT GIAO
ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG CHÍNH**

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2) **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:/....., ngày tháng năm 201...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ NÚT GIAO ĐƯỜNG
NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG CHÍNH**

Về việc đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đường Đầu
nối vào đường ... (.. .3...)

Kính gửi: (4)

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm 202 của Chính phủ quy định chi
tiết, hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đường bộ 2024;

- (.....5.....)

- (2....) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông
của nút giao đường Đầu nối vào đường (.....6.....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- + Các tài liệu theo quy định tại Điều Nghị định số
- + Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).
- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ (*hoặc đường khác là đường chính*).... Tại Km../phải hoặc trái tuyến và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ (*hoặc đường khác là đường chính*).... Tại Km...+.../phải hoặc trái tuyến được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

(...2....)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu VT.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối tại Km..+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến/ QL..”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đầu nối đường nhánh theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ./.

2. MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI HẠN CHẤP THUẬN THIẾT KẾ NÚT GIAO ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG CHÍNH

(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2) Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI HẠN CHẤP THUẬN THIẾT KẾ NÚT GIAO ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG CHÍNH

Đề nghị gia hạn ... (...3...)

- Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

- Căn cứ Nghị định số Của Chính phủ quy định **chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ 2024;**

- (...5...)

(...2...) đề nghị được gia hạn thời hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối đường Vào đường Tại Km, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông;

- Các hồ sơ, tài liệu điều chỉnh, bổ sung thiết kế nút giao đầu nối từ đường XXX vào đường YYY và phương án tổ chức giao thông điều chỉnh, bổ sung (nếu có);

- (...6...)

(...2...) Ghi tên Chủ đầu tư là Cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ (**hoặc đường khác là đường chính**).... Tại Km../phải hoặc trái tuyến và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đầu nối đường nhánh

vào Quốc lộ (*hoặc đường khác là đường chính*).... Tại Km...+.../phải hoặc trái tuyến được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:; số điện thoại:

Nơi nhận:

(...2....)

- Như trên;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI

-

KÝ

- Lưu

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong đơn đề nghị gia hạn

(1) Tên tổ chức cấp trên nếu có của tổ chức có đơn đề nghị.

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn.

(3) Ghi tên nút giao đầu nối từ đường XXX vào KMđường YYY ộ, địa bàn xã, huyện, tỉnh ; .

(4) Tên cơ quan chấp thuận .

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư, phê duyệt đầu tư và duyệt thiết kế của nút giao nếu có.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

PHỤ LỤC XV

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI**MẪU GIẤY PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI***(Ban hành kèm theo Thông tư số /20 /TT-BGTVT ngày tháng năm 20...)***I. MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI**

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

(2)

NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20...

...../.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI**Về đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối đường XXX vào Km AAA****Đường YYYY (...3...)**

Kính gửi: (...4...)

- Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;**- Căn cứ Nghị định số của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ 2024;****- Căn cứ (...5..);****(...2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. tháng ... năm ...**

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).**+ (...8...) (bản chính).****+ (...9...).**

(...2...) Đối với thi công công trình nút giao: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

(...2....)

Nơi nhận:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

- Như trên;

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-

- Lưu VT.

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt

trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (..2..) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

II. MẪU GIẤY PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 202...

GIẤY PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỔI

Công trình: Nút giao đầu nổi.....(1).....

Lý trình:..... Quốc lộ (hoặc đường khác).....

- Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;**- Căn cứ Nghị định số của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ 2024;****- Căn cứ văn bản số:/..... ngày..../..... /200...của (2) chấp thuận thiết kế nút giao đầu nổi ... và phương án tổ chức giao thông...(1)...****- Căn cứ Đơn đề nghị cấp phép thi công của.....(3)..... (5) và hồ sơ thiết kế, tổ chức thi công được duyệt.**

1. Cấp cho:..(3)

- Địa chỉ**- Điện thoại****-**

2. Được phép thi công công trình:...(1)... trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng công trình giao thông đường bộ từ lý trình. Km đến KmQuốc lộ..., theo hồ sơ thiết kế và tổ chức thi công được duyệt theo Quyết định số: .../.... ngày..../...../200.. của (4)...., gồm các nội dung chính như sau:

a).....;

b).....;

c).....;

d).....;

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

- Mang giấy này đến đơn vị quản lý đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông khi thi công trên đất dành cho đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng hiện trường, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý đường bộ, Chi cục Quản lý đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng, hiện trường cho đơn vị quản lý đường bộ;

- (các nội dung khác nếu cần thiết)

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày ../ ../201 ...đến ngày ../...../201....

Quá thời hạn quy định phải đề nghị cấp gia hạn./.

(...2....)

Nơi nhận:

-

-

- Lưu VT.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong mẫu Giấy phép thi công:

- (1): Ghi tên dự án, công trình cấp giấy phép thi công.
- (2): Ghi tên cơ quan thẩm quyền chấp thuận thiết kế (Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải).
- (3): Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công.
- (4): Chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực phê duyệt thiết kế).
- (5): Cam kết tự di dời và không đòi bồi thường của chủ đầu tư công trình thiết yếu, biển quảng cáo, nút giao đầu nối./.

Ghi chú: *Trên đây là các nội dung chính của mẫu Giấy phép thi công. Các Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải căn cứ từng công trình cụ thể để quy định nội dung giấy phép thi công cho phù hợp./.*